

THÔNG TƯ

**Hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước
đối với các cấp ngân sách**

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Nghị định số /2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Quyết định số 59/2013/QĐ-TTg ngày 15 tháng 10 năm 2013 của Thủ tướng Chính phủ quy định về danh mục bí mật nhà nước độ Tuyệt mật và Tối mật của ngành Tài chính;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh:

a) Thông tư này quy định chi tiết việc công khai ngân sách nhà nước, ngân sách trung ương và ngân sách từng cấp chính quyền địa phương. Riêng đối với ngân sách cấp xã, còn phải công khai các hoạt động tài chính khác của xã.

b) Việc công khai số liệu chi tiết và báo cáo thuyết minh thuộc lĩnh vực quốc phòng, an ninh, dự trữ quốc gia được thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 15 Luật Ngân sách nhà nước.

2. Đối tượng áp dụng:

- Bộ Tài chính
- Ủy ban nhân dân các cấp
- Cơ quan tài chính các cấp
- Mặt trận Tổ quốc Việt Nam các cấp

Điều 2. Nguyên tắc công khai

1. Cung cấp đầy đủ, kịp thời, chính xác các thông tin ngân sách phải công khai, phù hợp với từng đối tượng cung cấp và tiếp nhận thông tin thông qua những hình thức quy định trong Thông tư này.

2. Đảm bảo nguyên tắc bảo vệ bí mật nhà nước.

Chương II CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG

Điều 3. Nội dung công khai

1. Công khai thuyết minh và số liệu dự toán ngân sách nhà nước Chính phủ trình Quốc hội, gồm:

a) Công khai thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước:

Phương án 1: Công khai toàn bộ báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách nhà nước Chính phủ trình Quốc hội (trừ các thông tin mật không được phép công bố về lĩnh vực quốc phòng, an ninh và dự trữ quốc gia).

Phương án 2: Công khai một số thông tin cơ bản về dự toán ngân sách nhà nước, bao gồm:

- Dự toán thu ngân sách nhà nước, các giải pháp nhằm huy động nguồn thu cho ngân sách nhà nước;

- Dự toán chi ngân sách nhà nước, trong đó nêu rõ các chính sách lớn của Đảng và Nhà nước có liên quan đến ngân sách nhà nước, các mục tiêu, chương trình quan trọng của nền kinh tế;

- Bội chi ngân sách nhà nước và các nguồn bù đắp, bao gồm bội chi ngân sách trung ương và bội chi ngân sách địa phương; tỷ lệ bội chi so với tổng sản phẩm trong nước;

- Mức dư nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia.

Vụ NSNN đề xuất chọn phương án 1.

b) Công khai số liệu dự toán ngân sách nhà nước:

- Dự toán cân đối ngân sách nhà nước (theo mẫu biểu số 01)
- Dự toán thu ngân sách nhà nước (theo mẫu biểu số 02)
- Dự toán thu ngân sách nhà nước theo sắc thuế (theo mẫu biểu số 03)
- Dự toán chi ngân sách nhà nước theo cơ cấu chi (theo mẫu biểu số 04)

2. Công khai dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương đã được Quốc hội quyết định:

- Dự toán cân đối ngân sách nhà nước (theo mẫu biểu số 05)
- Dự toán cân đối nguồn thu, chi ngân sách trung ương và ngân sách địa phương (theo mẫu biểu số 06)
- Dự toán thu ngân sách nhà nước (theo mẫu biểu số 07)
- Dự toán thu ngân sách nhà nước theo sắc thuế (theo mẫu biểu số 08)
- Dự toán chi ngân sách nhà nước, chi ngân sách trung ương và chi ngân sách địa phương theo cơ cấu chi (theo mẫu biểu số 09)
- Dự nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia (theo mẫu biểu số 10)
- Dự toán chi ngân sách trung ương theo từng lĩnh vực (theo mẫu biểu số 11)
- Dự toán chi ngân sách trung ương cho từng Bộ, cơ quan Trung ương theo từng lĩnh vực và các nhiệm vụ chi khác của ngân sách trung ương (theo mẫu biểu số 12)
- Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia của từng Bộ, cơ quan Trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (theo mẫu biểu số 13)
- Dự toán thu, chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (theo mẫu biểu số 14)
- Dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương (theo mẫu biểu số 15)
- Danh mục các chương trình, dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn NSNN (do Quốc hội quyết định) (theo mẫu biểu số 16)

3. Công khai thuyết minh và số liệu về tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm) đã được báo cáo Chính phủ, gồm:

a) Công khai thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm):

Phương án 1: Công khai toàn bộ báo cáo đánh giá tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt (trừ các thông tin

mật không được phép công bố về lĩnh vực quốc phòng, an ninh và dự trữ quốc gia).

Phương án 2: Công khai một số thông tin cơ bản về tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước, bao gồm:

- Đánh giá tình hình thực hiện thu ngân sách nhà nước;
- Đánh giá tình hình thực hiện chi ngân sách nhà nước;
- Bội chi ngân sách nhà nước và tỷ lệ bội chi so với tổng sản phẩm trong nước;
- Các giải pháp chủ yếu nhằm triển khai nhiệm vụ NSNN cả năm (đối với thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước 6 tháng).

Vụ NSNN đề xuất chọn phương án 1.

b) Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm):

- Đánh giá cân đối ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm) *(theo mẫu biểu số 17)*
- Đánh giá thu ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm) *(theo mẫu biểu số 18)*
- Đánh giá chi ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm) *(theo mẫu biểu số 19)*

4. Công khai thuyết minh và số liệu quyết toán ngân sách nhà nước được Quốc hội phê chuẩn, gồm:

a) Công khai thuyết minh quyết toán ngân sách nhà nước:

Phương án 1: Công khai toàn bộ báo cáo thuyết minh quyết toán ngân sách nhà nước Chính phủ trình Quốc hội (trừ các thông tin mật không được phép công bố về lĩnh vực quốc phòng, an ninh và dự trữ quốc gia).

Phương án 2: Công khai một số thông tin cơ bản về quyết toán ngân sách nhà nước, bao gồm:

- Kết quả thu ngân sách nhà nước
- Kết quả chi ngân sách nhà nước
- Bội chi ngân sách nhà nước và các nguồn bù đắp, bao gồm bội chi ngân sách trung ương và bội chi ngân sách địa phương; tỷ lệ bội chi so với tổng sản phẩm trong nước.
- Mức nợ công, nợ Chính phủ, nợ nước ngoài của quốc gia.

Vụ NSNN đề xuất chọn phương án 1.

b) Công khai số liệu quyết toán ngân sách nhà nước:

- Quyết toán cân đối ngân sách nhà nước *(theo mẫu biểu số 20)*
- Quyết toán cân đối nguồn thu chi ngân sách trung ương và ngân sách địa phương *(theo mẫu biểu số 21)*
- Quyết toán thu ngân sách nhà nước *(theo mẫu biểu số 22)*
- Quyết toán chi ngân sách nhà nước, chi ngân sách trung ương và chi ngân sách địa phương theo cơ cấu chi *(theo mẫu biểu số 23)*
- Quyết toán chi ngân sách trung ương theo từng lĩnh vực *(theo mẫu biểu số 24)*
- Quyết toán chi ngân sách trung ương cho từng Bộ, cơ quan Trung ương theo từng lĩnh vực và các nhiệm vụ chi khác của ngân sách trung ương *(theo mẫu biểu số 25)*
- Quyết toán chi bổ sung từ ngân sách trung ương cho ngân sách địa phương đối với từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương *(theo mẫu biểu số 26)*
- Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia *(theo mẫu biểu số 27)*
- Thực hiện vốn đầu tư các chương trình, dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn NSNN (do Quốc hội quyết định) *(theo mẫu biểu số 28)*

Điều 4. Trách nhiệm công khai

Bộ Tài chính thực hiện công khai những nội dung quy định tại Điều 3.

(Theo mẫu số 01/QĐ-CKNS đính kèm)

Điều 5. Hình thức công khai

1. Việc công khai các nội dung quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 3 được thực hiện bằng hình thức công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính (địa chỉ: <http://www.mof.gov.vn>).

2. Việc công khai các nội dung quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 3 được thực hiện bằng các hình thức sau: thông báo bằng văn bản cho các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương, Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân các tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; công bố trên Cổng thông tin điện tử của Bộ Tài chính (địa chỉ: <http://www.mof.gov.vn>).

Điều 6. Thời điểm công khai

1. Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày Chính phủ gửi đại biểu Quốc hội.

2. Báo cáo dự toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội quyết định, quyết toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội phê chuẩn phải được công khai chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày văn bản được ban hành.

3. Báo cáo tình hình thực hiện dự toán ngân sách nhà nước hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng.

4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách nhà nước hằng năm được công khai khi Chính phủ trình Quốc hội vào kỳ họp giữa năm sau.

Chương III

CÔNG KHAI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH

Điều 7. Nội dung công khai

1. Công khai thuyết minh và số liệu dự toán ngân sách địa phương đã được Ủy ban nhân dân trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh, gồm:

a) Công khai báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách địa phương.

b) Công khai số liệu dự toán ngân sách địa phương:

- Dự toán cân đối ngân sách địa phương (*theo mẫu biểu số 29*)

- Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp (*theo mẫu biểu số 30*)

- Dự toán chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực (*theo mẫu biểu số 31*)

2. Công khai dự toán ngân sách địa phương và ngân sách cấp tỉnh đã được Hội đồng nhân dân quyết định:

- Dự toán cân đối ngân sách địa phương (*theo mẫu biểu số 32*)

- Dự toán cân đối thu, chi ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện (*theo mẫu biểu số 33*)

- Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp (*theo mẫu biểu số 34*)

- Dự toán chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực (*theo mẫu biểu số 35*)

- Dự toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện theo cơ cấu chi (*theo mẫu biểu số 36*)

- Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh theo lĩnh vực từng cơ quan, tổ chức (*theo mẫu biểu số 37*)

- Dự toán chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực từng huyện (theo mẫu biểu số 38)

- Dự toán thu, chi và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách huyện (theo mẫu biểu số 39)

- Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương (theo mẫu biểu số 40)

- Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách từng huyện (theo mẫu biểu số 41)

- Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia (theo mẫu biểu số 42)

- Dự toán chi đầu tư các dự án, công trình (theo mẫu biểu số 43)

- Kế hoạch vay và trả nợ của ngân sách địa phương (theo mẫu biểu số 44).

3. Công khai thuyết minh và số liệu về tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương (quý, 6 tháng, năm) đã được báo cáo Ủy ban nhân dân cấp tỉnh, gồm:

a) Công khai báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương (quý, 6 tháng, năm). Đối với thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương 6 tháng, công khai các giải pháp chủ yếu nhằm triển khai nhiệm vụ ngân sách địa phương cả năm.

b) Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách địa phương (quý, 6 tháng, năm):

- Đánh giá cân đối ngân sách địa phương (quý, 6 tháng, năm) (theo mẫu biểu số 45)

- Đánh giá thu ngân sách địa phương (quý, 6 tháng, năm) (theo mẫu biểu số 46)

- Đánh giá chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực (quý, 6 tháng, năm) (theo mẫu biểu số 47)

4. Công khai thuyết minh và số liệu quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân phê chuẩn, gồm:

a) Công khai báo cáo thuyết minh quyết toán ngân sách địa phương.

b) Công khai số liệu quyết toán ngân sách địa phương:

- Quyết toán cân đối ngân sách địa phương (theo mẫu biểu số 48)

- Quyết toán cân đối thu, chi ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện (theo mẫu biểu số 49)

- Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp (theo mẫu biểu số 50)

- Quyết toán chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực *(theo mẫu biểu số 51)*
- Quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện theo cơ cấu *(theo mẫu biểu số 52)*
- Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh theo lĩnh vực từng cơ quan, tổ chức *(theo mẫu biểu số 53)*
- Quyết toán chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực từng huyện *(theo mẫu biểu số 54)*
- Quyết toán chi bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách huyện *(theo mẫu biểu số 55)*
- Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia *(theo mẫu biểu số 56)*
- Quyết toán vốn đầu tư các dự án, công trình *(theo mẫu biểu số 57)*

Điều 8. Trách nhiệm công khai

1. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công khai ngân sách địa phương theo các nội dung quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 của Điều 7.

(Theo mẫu số 02/QĐ-CKNS và mẫu số 03/QĐ-CKNS đính kèm)

2. Ủy ban nhân dân cấp tỉnh thực hiện công khai hoặc giao Sở Tài chính thực hiện công khai ngân sách địa phương theo các nội dung quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 của Điều 7.

Điều 9. Hình thức công khai

1. Việc công khai các nội dung quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 7 được thực hiện bằng hình thức công bố trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Tài chính.

2. Việc công khai các nội dung quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 7 được thực hiện bằng các hình thức sau: thông báo bằng văn bản cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các quận, huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương; công bố trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân tỉnh hoặc Sở Tài chính.

Điều 10. Thời điểm công khai

1. Báo cáo dự toán ngân sách địa phương phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp tỉnh gửi đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

2. Báo cáo dự toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định, quyết toán ngân sách địa phương đã được Hội đồng nhân dân cấp

tính phê chuẩn phải được công khai chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày văn bản được ban hành.

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách địa phương hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng.

4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách địa phương hằng năm được công khai khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh vào kỳ họp giữa năm sau.

Chương IV

CÔNG KHAI NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

Điều 11. Nội dung công khai

1. Công khai thuyết minh và số liệu dự toán ngân sách huyện đã được Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện, gồm:

a) Công khai báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách huyện.

b) Công khai số liệu dự toán ngân sách huyện:

- Dự toán cân đối ngân sách huyện (*theo mẫu biểu số 58*)

- Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp (*theo mẫu biểu số 59*)

- Dự toán chi ngân sách huyện theo lĩnh vực (*theo mẫu biểu số 60*)

2. Công khai dự toán ngân sách huyện đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định, gồm:

- Dự toán cân đối ngân sách huyện (*theo mẫu biểu số 61*)

- Dự toán cân đối thu, chi ngân sách cấp huyện và ngân sách xã (*theo mẫu biểu số 62*)

- Dự toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp (*theo mẫu biểu số 63*)

- Dự toán chi ngân sách huyện theo lĩnh vực (*theo mẫu biểu số 64*)

- Dự toán chi ngân sách huyện, chi ngân sách cấp huyện và ngân sách xã theo cơ cấu (*theo mẫu biểu số 65*)

- Dự toán chi ngân sách cấp huyện theo lĩnh vực từng cơ quan, tổ chức (*theo mẫu biểu số 66*)

- Dự toán thu, chi, tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách xã (*theo mẫu biểu số 67*)

- Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách từng xã (*theo mẫu biểu số 68*)

- Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia (*theo mẫu biểu số 69*)

- Dự toán chi đầu tư các dự án, công trình (*theo mẫu biểu số 70*)

3. Công khai thuyết minh và số liệu về tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện (quý, 6 tháng, năm) đã được báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện, gồm:

a) Công khai báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện (quý, 6 tháng, năm).

b) Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách huyện (quý, 6 tháng, năm):

- Đánh giá cân đối ngân sách huyện (quý, 6 tháng, năm) (*theo mẫu biểu số 71*)

- Đánh giá thu ngân sách huyện (quý, 6 tháng, năm) (*theo mẫu biểu số 72*)

- Đánh giá chi ngân sách huyện theo lĩnh vực (quý, 6 tháng, năm) (*theo mẫu biểu số 73*)

4. Công khai thuyết minh và số liệu quyết toán ngân sách huyện đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn, gồm:

a) Công khai báo cáo thuyết minh quyết toán ngân sách huyện.

b) Công khai số liệu quyết toán ngân sách huyện:

- Quyết toán cân đối ngân sách huyện (*theo mẫu biểu số 74*)

- Quyết toán cân đối thu, chi ngân sách cấp huyện và ngân sách xã (*theo mẫu biểu số 75*)

- Quyết toán thu ngân sách nhà nước trên địa bàn, thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp (*theo mẫu biểu số 76*)

- Quyết toán chi ngân sách huyện theo lĩnh vực (*theo mẫu biểu số 77*)

- Quyết toán chi ngân sách huyện, chi ngân sách cấp huyện và chi ngân sách xã (*theo mẫu biểu số 78*)

- Quyết toán chi ngân sách cấp huyện theo lĩnh vực từng cơ quan, tổ chức (*theo mẫu biểu số 79*)

- Quyết toán chi ngân sách huyện theo lĩnh vực từng xã (*theo mẫu biểu số 80*)

- Quyết toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách từng xã (*theo mẫu biểu số 81*)

- Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia (*theo mẫu biểu số 82*)

- Quyết toán chi đầu tư các dự án, công trình (theo mẫu biểu số 83)

Điều 12. Trách nhiệm công khai

1. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công khai ngân sách theo các nội dung quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 của Điều 11.

(Theo mẫu số 02/QĐ-CKNS và mẫu số 03/QĐ-CKNS đính kèm)

2. Ủy ban nhân dân cấp huyện thực hiện công khai hoặc giao cho cơ quan tài chính cấp huyện thực hiện công khai ngân sách theo nội dung quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 của Điều 11.

Điều 13. Hình thức công khai

1. Việc công khai các nội dung quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 11 được thực hiện bằng hình thức công bố trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện. Đối với những địa phương chưa có Cổng/Trang thông tin điện tử, việc công khai ngân sách được thực hiện bằng các hình thức sau: thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân huyện ít nhất là 30 ngày.

2. Việc công khai các nội dung quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 11 được thực hiện bằng các hình thức sau: thông báo bằng văn bản cho các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện, Hội đồng nhân dân, Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn thuộc huyện; công bố trên Cổng/Trang thông tin điện tử của Ủy ban nhân dân huyện (đối với những địa phương chưa có Cổng/Trang thông tin điện tử thì thông báo trên các phương tiện thông tin đại chúng, niêm yết tại trụ sở Ủy ban nhân dân huyện ít nhất là 30 ngày).

Điều 14. Thời điểm công khai

1. Báo cáo dự toán ngân sách huyện phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân cấp huyện gửi đại biểu Hội đồng nhân dân cấp huyện.

2. Báo cáo dự toán ngân sách huyện đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định, quyết toán ngân sách huyện đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn phải được công khai chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày văn bản được ban hành.

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách cấp huyện hằng quý, 06 tháng phải được công khai chậm nhất là 15 ngày, kể từ ngày kết thúc quý và 06 tháng.

4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách cấp huyện hằng năm được công khai khi Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện vào kỳ họp giữa năm sau.

Chương V

CÔNG KHAI NGÂN SÁCH XÃ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC Ở XÃ

Điều 15. Nội dung công khai

1. Công khai thuyết minh và số liệu dự toán ngân sách xã và kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã đã được Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã, gồm:

a) Công khai báo cáo thuyết minh dự toán ngân sách xã và kế hoạch các hoạt động tài chính khác ở xã.

b) Công khai số liệu dự toán ngân sách xã và kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã:

- Dự toán cân đối ngân sách xã (*theo mẫu biểu số 84*)

- Dự toán thu ngân sách xã (*theo mẫu biểu số 85*)

- Dự toán chi ngân sách xã (*theo mẫu biểu số 86*)

- Kế hoạch thu, chi các hoạt động tài chính khác ở xã, gồm: các quỹ công chuyên dùng, các hoạt động sự nghiệp, các khoản huy động đóng góp của nhân dân, các khoản hỗ trợ trực tiếp của ngân sách nhà nước đối với các cá nhân, dân cư... (*theo mẫu biểu số 87*)

2. Công khai dự toán ngân sách xã và kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định, gồm:

- Dự toán cân đối ngân sách xã (*theo mẫu biểu số 88*)

- Dự toán thu ngân sách xã (*theo mẫu biểu số 89*)

- Dự toán chi ngân sách xã (*theo mẫu biểu số 90*)

- Dự toán chi đầu tư xây dựng cơ bản do xã thực hiện (*theo mẫu biểu số 91*)

- Kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã (*theo mẫu biểu số 92*)

3. Công khai thuyết minh và số liệu về tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã (6 tháng, năm), gồm:

a) Công khai báo cáo thuyết minh tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã (6 tháng, năm).

b) Công khai số liệu thực hiện dự toán ngân sách xã (6 tháng, năm):

- Đánh giá cân đối ngân sách xã 6 tháng và cả năm (*theo mẫu biểu số 93*)

- Đánh giá thực hiện thu ngân sách xã 6 tháng và cả năm (*theo mẫu biểu số*

94)

- Đánh giá thực hiện chi ngân sách xã 6 tháng và cả năm (*theo mẫu biểu số 95*)

4. Công khai quyết toán ngân sách xã và kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác ở xã đã được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn, gồm:

- Quyết toán cân đối ngân sách xã (*theo mẫu biểu số 96*)
- Quyết toán thu ngân sách xã (*theo mẫu biểu số 97*)
- Quyết toán chi ngân sách xã (*theo mẫu biểu số 98*)
- Quyết toán chi đầu tư xây dựng cơ bản do xã thực hiện (*theo mẫu biểu số 99*)
- Kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác ở xã (*theo mẫu biểu số 100*)

Điều 16. Trách nhiệm công khai

Ủy ban nhân dân xã thực hiện công khai tài chính - ngân sách xã theo nội dung quy định tại Điều 15.

(Theo mẫu số 04/QĐ-CKNS đính kèm)

Điều 17. Hình thức công khai

1. Việc công khai các nội dung quy định tại Khoản 1 và Khoản 3 Điều 15 được thực hiện bằng hình thức niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã ít nhất trong thời hạn 30 ngày, kể từ ngày niêm yết; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã.

2. Việc công khai các nội dung quy định tại Khoản 2 và Khoản 4 Điều 11 được thực hiện bằng các hình thức sau: niêm yết công khai tại trụ sở Ủy ban nhân dân xã ít nhất trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày niêm yết; thông báo bằng văn bản cho Đảng ủy, các tổ chức chính trị - xã hội ở xã và trưởng các thôn, làng, ấp, bản, buôn, sóc ở xã và tổ dân phố ở phường, thị trấn; thông báo trên hệ thống truyền thanh của xã.

Điều 18. Thời gian công khai

1. Báo cáo dự toán ngân sách xã và kế hoạch thu, chi các hoạt động tài chính khác ở xã phải được công khai chậm nhất là 05 ngày làm việc kể từ ngày Ủy ban nhân dân xã gửi đại biểu Hội đồng nhân dân xã.

2. Báo cáo dự toán ngân sách xã và kế hoạch thu, chi các hoạt động tài chính khác ở xã đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định, quyết toán ngân sách xã và kết quả thu, chi các hoạt động tài chính khác ở xã đã được Hội đồng nhân dân xã phê chuẩn phải được công khai chậm nhất là 30 ngày, kể từ ngày văn bản được ban hành.

3. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách xã 06 tháng phải được công khai trước ngày 15 tháng 7 năm hiện hành.

4. Báo cáo tình hình thực hiện ngân sách xã hằng năm được công khai khi Ủy ban nhân dân xã trình Hội đồng nhân dân xã vào kỳ họp giữa năm sau.

Chương VI

CHẾ ĐỘ BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI NGÂN SÁCH

Điều 19. Chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai ngân sách

1. Ủy ban nhân dân xã có trách nhiệm gửi tài liệu, số liệu công khai dự toán, quyết toán ngân sách xã theo quy định tại Thông tư này cho Ủy ban nhân dân và cơ quan tài chính cấp huyện.

2. Phòng Tài chính cấp huyện hàng năm có trách nhiệm:

a) Tổng hợp tình hình công khai ngân sách của các xã, các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện báo cáo Sở Tài chính trước ngày 31 tháng 3 hàng năm (đối với công khai dự toán), trước ngày 31 tháng 8 hàng năm (đối với công khai quyết toán).

(Theo mẫu biểu số 01/CKNS-BC đính kèm)

b) Tổng hợp và công bố số liệu công khai ngân sách của các xã, các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện trước ngày 31 tháng 5 hàng năm (đối với công khai dự toán), trước ngày 30 tháng 9 hàng năm (đối với công khai quyết toán) theo các biểu mẫu công khai đối với ngân sách xã và các đơn vị dự toán ngân sách.

c) Gửi Sở Tài chính:

- Tài liệu, số liệu công khai dự toán và quyết toán ngân sách huyện và ngân sách cấp huyện theo quy định tại Thông tư này.

- Báo cáo tổng hợp quy định tại điểm a và điểm b của khoản 2 Điều này.

3. Sở Tài chính cấp tỉnh có trách nhiệm:

a) Tổng hợp tình hình công khai ngân sách của các huyện và các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh báo cáo Bộ Tài chính trước ngày 31 tháng 5 hàng năm (đối với công khai dự toán), trước ngày 31 tháng 02 năm sau (đối với công khai quyết toán)

(Theo mẫu biểu số 02/CKNS-BC đính kèm)

b) Tổng hợp và công bố số liệu công khai ngân sách của các huyện, các cơ quan, đơn vị thuộc cấp tỉnh trước ngày 31 tháng 7 hàng năm (đối với công khai dự toán), trước ngày 31 tháng 5 năm sau (đối với công khai quyết toán) theo các

biểu mẫu công khai được quy định đối với ngân sách huyện và các đơn vị dự toán ngân sách.

c) Gửi Bộ Tài chính:

- Tài liệu, số liệu công khai dự toán và quyết toán ngân sách địa phương và ngân sách cấp cấp tỉnh theo quy định tại Thông tư này.

- Báo cáo tổng hợp quy định tại điểm a và điểm b của khoản 3 Điều này.

- Tài liệu, số liệu, báo cáo gửi Bộ Tài chính được gửi 01 bản kèm theo files dữ liệu điện tử dưới dạng file excel hoặc truyền thư điện tử theo địa chỉ email: tkns@mof.gov.vn

Chương VII

TỔ CHỨC THỰC HIỆN

Điều 20. Kiểm tra và giám sát thực hiện

1. Ủy ban nhân dân các cấp chịu trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện công khai ngân sách của cấp dưới trực tiếp. Trong quá trình kiểm tra giám sát, nếu phát hiện có vi phạm thì phải xử lý kịp thời hoặc báo cáo cấp có thẩm quyền xử lý kịp thời theo đúng qui định của pháp luật.

2. Cơ quan tài chính các cấp có trách nhiệm kiểm tra việc thực hiện công khai ngân sách của cấp dưới trực tiếp theo quy định tại Thông tư này.

3. Mặt trận tổ quốc Việt Nam các cấp chủ trì tổ chức giám sát việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước.

Điều 21. Chất vấn và trả lời chất vấn

1. Các tổ chức, đơn vị, cá nhân thuộc đối tượng được tiếp nhận thông tin công khai ngân sách nhà nước có quyền chất vấn về các nội dung công khai.

Việc chất vấn được thực hiện dưới các hình thức:

- Bằng văn bản.
- Chất vấn trực tiếp trong các kỳ họp.

2. Cơ quan nhà nước có trách nhiệm thực hiện công khai ngân sách phải trả lời chất vấn về các nội dung đã được công bố công khai. Việc trả lời chất vấn phải được thực hiện bằng hình thức trả lời trực tiếp hoặc bằng văn bản gửi tới người chất vấn, tùy theo hình thức chất vấn và nội dung chất vấn.

3. Trường hợp trả lời chất vấn bằng văn bản, cơ quan bị chất vấn phải trả lời cho người chất vấn chậm nhất sau 10 ngày, kể từ ngày tiếp nhận nội dung chất vấn. Trường hợp nội dung chất vấn phức tạp, cần nhiều thời gian để chuẩn bị trả

lời thì phải có văn bản hẹn ngày trả lời cụ thể cho người chất vấn, nhưng không quá 45 ngày, kể từ ngày nhận được nội dung chất vấn.

Điều 22. Xử lý vi phạm

Cơ quan, cá nhân vi phạm các quy định của pháp luật về công khai tài chính - ngân sách thì tùy theo tính chất, mức độ vi phạm sẽ bị xử lý kỷ luật theo quy định của pháp luật về xử lý kỷ luật và trách nhiệm vật chất của công chức; xử phạt hành chính đối với vi phạm về báo cáo và công khai tài chính theo quy định của pháp luật về xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực kế toán.

Chương VIII ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 23. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ... tháng ... năm 2017 và áp dụng từ năm ngân sách 2017.

2. Bãi bỏ Thông tư số 03/2005/TT-BTC ngày 06 tháng 01 năm 2005 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện Quy chế công khai tài chính đối với các cấp ngân sách nhà nước và chế độ báo cáo tình hình thực hiện công khai tài chính.

3. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, đề nghị phản ánh về Bộ Tài chính để nghiên cứu giải quyết./.

Nơi nhận:

- Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ;
- Văn phòng Trung ương của Đảng;
- Văn phòng Tổng bí thư;
- Văn phòng Quốc hội;
- Văn phòng Chủ tịch nước;
- Văn phòng Chính phủ;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- Kiểm toán nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- HĐND, UBND các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Sở Tài chính, Cục Thuế, Cục Hải quan, KBNN các tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Các Tập đoàn kinh tế, Tổng công ty Nhà nước;
- Cục Kiểm tra văn bản - Bộ Tư pháp;
- Công báo;
- Cổng thông tin điện tử Chính phủ;
- Cổng thông tin điện tử Bộ Tài chính;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính;
- Lưu: VT, Vụ NSNN (.....b).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Phụ lục 1
HỆ THỐNG MẪU BIỂU
CÔNG KHAI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC VÀ NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
(áp dụng cho Bộ Tài chính)

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2016/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách)

PHẦN 01: DANH MỤC BIỂU SỐ LIỆU CÔNG KHAI	
1. Công khai dự toán ngân sách nhà nước Chính phủ trình Quốc hội	
Mẫu biểu số 01/CK-NSNN:	Dự toán cân đối ngân sách nhà nước năm...
Mẫu biểu số 02/CK-NSNN:	Dự toán thu ngân sách nhà nước năm...
Mẫu biểu số 03/CK-NSNN:	Dự toán thu ngân sách nhà nước theo sắc thuế năm...
Mẫu biểu số 04/CK-NSNN:	Dự toán chi ngân sách nhà nước theo cơ cấu chi năm...
2. Công khai dự toán ngân sách nhà nước và phân bổ ngân sách trung ương đã được Quốc hội quyết định	
Mẫu biểu số 05/CK-NSNN:	Dự toán cân đối ngân sách nhà nước năm...
Mẫu biểu số 06/CK-NSNN:	Dự toán cân đối nguồn thu, chi ngân sách trung ương và ngân sách địa phương năm...
Mẫu biểu số 07/CK-NSNN:	Dự toán thu ngân sách nhà nước năm...
Mẫu biểu số 08/CK-NSNN:	Dự toán thu ngân sách nhà nước theo sắc thuế năm...
Mẫu biểu số 09/CK-NSNN:	Dự toán chi ngân sách nhà nước, chi ngân sách trung ương và chi ngân sách địa phương theo cơ cấu chi năm...
Mẫu biểu số 10/CK-NSNN:	Dư nợ công, nợ nước ngoài của quốc gia năm...
Mẫu biểu số 11/CK-NSNN:	Dự toán chi ngân sách trung ương theo từng lĩnh vực năm...

Mẫu biểu số 12/CK-NSNN:	Dự toán chi ngân sách trung ương cho từng bộ, cơ quan trung ương theo từng lĩnh vực và các nhiệm vụ chi khác của ngân sách trung ương năm...
Mẫu biểu số 13/CK-NSNN:	Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia của từng bộ, cơ quan trung ương và từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương năm...
Mẫu biểu số 14/CK-NSNN:	Dự toán thu, chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia đối với các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương năm...
Mẫu biểu số 15/CK-NSNN:	Dự toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách trung ương cho ngân sách từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương năm...
Mẫu biểu số 16/CK-NSNN:	Danh mục các dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn NSNN (do Quốc hội quyết định) năm...
3. Công khai thực hiện dự toán ngân sách nhà nước (quý, 6 tháng, năm)	
Mẫu biểu số 17/CK-NSNN:	Đánh giá cân đối ngân sách nhà nước quý (6 tháng, cả năm) năm...
Mẫu biểu số 18/CK-NSNN:	Đánh giá thu ngân sách nhà nước quý (6 tháng, cả năm) năm...
Mẫu biểu số 19/CK-NSNN:	Đánh giá chi ngân sách nhà nước quý (6 tháng, cả năm) năm...
4. Công khai quyết toán ngân sách nhà nước đã được Quốc hội phê chuẩn	
Mẫu biểu số 20/CK-NSNN:	Quyết toán cân đối ngân sách nhà nước năm...
Mẫu biểu số 21/CK-NSNN:	Quyết toán cân đối nguồn thu, chi ngân sách trung ương và ngân sách địa phương năm...
Mẫu biểu số 22/CK-NSNN:	Quyết toán thu ngân sách nhà nước năm...
Mẫu biểu số 23/CK-NSNN:	Quyết toán chi ngân sách nhà nước, chi ngân sách trung ương và chi ngân sách địa phương theo cơ cấu chi năm...

Mẫu biểu số 24/CK-NSNN:	Quyết toán chi ngân sách trung ương theo từng lĩnh vực năm...
Mẫu biểu số 25/CK-NSNN:	Quyết toán chi ngân sách trung ương cho từng bộ, cơ quan trung ương theo từng lĩnh vực và các nhiệm vụ chi khác của ngân sách trung ương năm...
Mẫu biểu số 26/CK-NSNN:	Quyết toán chi bổ sung từ NSTW cho NSDP đối với từng tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương năm ...
Mẫu biểu số 27/CK-NSNN:	Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia năm...
Mẫu biểu số 28/CK-NSNN:	Thực hiện vốn đầu tư các dự án quan trọng quốc gia sử dụng vốn NSNN (do Quốc hội quyết định) năm...
PHẦN 02: MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG KHAI	
Mẫu số 01/QĐ-CKNS:	Quyết định về việc công bố công khai dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách nhà nước năm ...

DỰ TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM HIỆN HÀNH	ƯỚC TH NĂM HIỆN HÀNH	DỰ TOÁN NĂM KẾ HOẠCH	SO SÁNH NĂM KẾ HOẠCH/ NĂM HIỆN HÀNH (1)	
					TUYỆT ĐỐI	TƯƠNG ĐỐI (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	<u>TỔNG NGUỒN THU NSNN</u>					
I	Thu NSNN					
1	Thu nội địa					
2	Thu từ dầu thô					
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu					
4	Thu viện trợ					
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
B	<u>TỔNG CHI NSNN</u>					
	Trong đó:					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi trả nợ lãi					
3	Chi viện trợ					
4	Chi thường xuyên					
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					
6	Dự phòng NSNN					
7	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
C	<u>BỘI CHI NSNN/ BỘI THU NSNN (2)</u>					
	(Tỷ lệ bội chi so GDP)					
1	Bội chi NSTW/ Bội thu NSTW					
2	Bội chi NSDP/ Bội thu NSDP					
D	<u>CHI TRẢ NỢ GỐC</u>					
1	Chi trả nợ gốc NSTW					
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc					
	- Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư					
2	Chi trả nợ gốc NSDP					
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc					
	- Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư					

Ghi chú:

(1) Đối với các chỉ tiêu thu, so sánh dự toán năm kế hoạch với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi NSNN, so sánh dự toán năm kế hoạch với dự toán năm hiện hành;

(2) Trong đó số địa phương có bội chi NSDP là ... địa phương, số địa phương có bội thu NSDP là ... địa phương

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG THU	ƯỚC TH NĂM HIỆN HÀNH	DỰ TOÁN NĂM KẾ HOẠCH	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG THU NSNN			
I	Thu nội địa			
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước			
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh			
4	Thuế thu nhập cá nhân			
5	Thuế bảo vệ môi trường			
6	Các loại phí, lệ phí			
	<i>Trong đó: Lệ phí trước bạ</i>			
7	Các khoản thu về nhà, đất			
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp			
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			
	- Thu tiền sử dụng đất			
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết			
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
10	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác			
11	Thu khác ngân sách			
II	Thu từ đầu thô			
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu (1-2)			
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu			
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu			
	- Thuế xuất khẩu			
	- Thuế nhập khẩu			
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu			
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu			
	- Thu khác			
2	Hoàn thuế GTGT			
IV	Thu viện trợ			

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO SẮC THUẾ NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	ƯỚC TH NĂM HIỆN HÀNH	DỰ TOÁN NĂM KẾ HOẠCH	SỐ SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
	<u>TỔNG THU NSNN</u>			
I	Các khoản thu từ thuế			
1	Thuế giá trị gia tăng			
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt			
3	Thuế bảo vệ môi trường			
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp			
5	Thuế thu nhập cá nhân			
6	Thuế tài nguyên			
7	Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu			
II	Các khoản phí, lệ phí			
1	Lệ phí trước bạ			
2	Các loại phí, lệ phí			
III	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của NHNN			
IV	Các khoản thu về nhà đất			
1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp			
3	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			
4	Thu tiền sử dụng đất			
5	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước			
V	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
VI	Thu khác			
VII	Thu viện trợ			

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO CƠ CẤU CHI NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM HIỆN HÀNH	DỰ TOÁN NĂM KẾ HOẠCH	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG SỐ CHI NSNN			
	Trong đó:			
I	Chi đầu tư phát triển			
1	Chi đầu tư cho các dự án			
	Trong đó:			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi trả nợ lãi			
III	Chi viện trợ			
IV	Chi thường xuyên			
	Trong đó:			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
VI	Dự phòng NSNN			

DỰ TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
<u>A</u>	<u>TỔNG NGUỒN THU NSNN</u>	
I	Thu NSNN	
1	Thu nội địa	
2	Thu từ dầu thô	
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu	
4	Thu viện trợ	
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
<u>B</u>	<u>TỔNG CHI NSNN</u>	
	Trong đó:	
1	Chi đầu tư phát triển	
2	Chi trả nợ lãi	
3	Chi viện trợ	
4	Chi thường xuyên	
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
6	Dự phòng NSNN	
<u>C</u>	<u>BỘI CHI NSNN/ BỘI THU NSNN (2)</u>	
	(Tỷ lệ bội chi so GDP)	
1	Bội chi NSTW/ Bội thu NSTW	
2	Bội chi NSDP/ Bội thu NSDP	
<u>D</u>	<u>CHI TRẢ NỢ GỐC</u>	
1	Chi trả nợ gốc NSTW	
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc	
	- Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư	
2	Chi trả nợ gốc NSDP	
	- Từ nguồn vay để trả nợ gốc	
	- Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư	

DỰ TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NSTW VÀ NSDP NĂM

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
A	<u>NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</u>	
I	Tổng nguồn thu NSTW	
1	Thu NSTW hưởng theo phân cấp	
2	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Tổng chi NSTW	
1	Chi NSTW theo phân cấp (không kể bổ sung cho NSDP)	
2	Chi bổ sung cho NSDP	
	- Chi bổ sung cân đối	
	- Chi bổ sung có mục tiêu	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
III	Bội chi NSTW/ Bội thu NSTW	
B	<u>NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u>	
I	Tổng nguồn thu NSDP	
1	Thu NSDP hưởng theo phân cấp	
2	Thu bổ sung từ NSTW	
	- Thu bổ sung cân đối	
	- Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Tổng chi NSDP	
1	Chi cân đối NSDP theo phân cấp (không kể từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW)	
2	Chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
III	Bội chi NSDP (1)	
IV	Bội thu NSDP (1)	

(1) Trong đó số địa phương có bội chi NSDP là ... địa phương, số địa phương có bội thu NSDP là ... địa phương

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN
	<u>TỔNG THU NSNN</u>	
I	Thu nội địa	
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước	
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài	
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh	
4	Thuế thu nhập cá nhân	
5	Thuế bảo vệ môi trường	
6	Các loại phí, lệ phí	
	<i>Trong đó: Lệ phí trước bạ</i>	
7	Các khoản thu về nhà, đất	
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp	
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp	
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước	
	- Thu tiền sử dụng đất	
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước	
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết	
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản	
10	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác	
11	Thu khác ngân sách	
II	Thu từ dầu thô	
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu	

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu	
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu	
	- Thuế xuất khẩu	
	- Thuế nhập khẩu	
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu	
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu	
	- Thu khác	
2	Hoàn thuế GTGT	
IV	Thu viện trợ	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC THEO SẮC THUẾ NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	KHU VỰC DNNN	KHU VỰC DN CÓ VỐN ĐTNN	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XSKT	THU TỪ DẦU THỎ	KHU VỰC KHÁC
A	B	1	2	3	4	5	6	7
	<u>TỔNG THU NSNN</u>							
I	Các khoản thu từ thuế							
1	Thuế giá trị gia tăng							
2	Thuế tiêu thụ đặc biệt							
3	Thuế bảo vệ môi trường							
4	Thuế thu nhập doanh nghiệp							
5	Thuế thu nhập cá nhân							
6	Thuế tài nguyên							
7	Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu							
II	Các khoản phí, lệ phí							
1	Lệ phí trước bạ							
2	Các loại phí, lệ phí							

STT	NỘI DUNG	TỔNG SỐ	KHU VỰC DNNN	KHU VỰC DN CÓ VỐN ĐTNN	KHU VỰC KINH TẾ NGOÀI QUỐC DOANH	THU TỪ HOẠT ĐỘNG XSQT	THU TỪ DẦU THÔ	KHU VỰC KHÁC
III	Thu hồi vốn, thu cổ tức, lợi nhuận, lợi nhuận sau thuế, chênh lệch thu, chi của NHNN							
IV	Các khoản thu về nhà đất							
1	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp							
2	Thuế sử dụng đất nông nghiệp							
3	Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước							
4	Thu tiền sử dụng đất							
5	Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước							
V	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản							
VI	Thu khác							
VII	Thu viện trợ							

DỰ TOÁN CHI NSNN, NSTW VÀ NSDP THEO CƠ CẤU CHI NĂM ...
(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	NSNN	CHIA RA	
			NSTW	NSDP
	<u>TỔNG CHI NSNN</u>			
	Trong đó:			
I	Chi đầu tư phát triển			
1	Chi đầu tư cho các dự án			
	Trong đó:			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi trả nợ lãi			
III	Chi viện trợ			
IV	Chi thường xuyên			
	Trong đó:			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
VI	Dự phòng NSNN			

ĐƯ NỢ CÔNG, NỢ NƯỚC NGOÀI CỦA QUỐC GIA NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
I	Đư nợ công	
	Tỷ lệ % so GDP	
1	Đư nợ Chính phủ	
	Tỷ lệ % so GDP	
2	Đư nợ được Chính phủ bảo lãnh	
	Tỷ lệ % so GDP	
3	Đư nợ Chính quyền địa phương	
	Tỷ lệ % so GDP	
II	Nợ nước ngoài của quốc gia	
	Tỷ lệ % so GDP	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN
	<u>TỔNG SỐ CHI NSTW</u>	
	Trong đó:	
I	Chi đầu tư phát triển	
1	Chi đầu tư cho các dự án	
	Trong đó:	
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
1.2	Chi khoa học và công nghệ	
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình	
1.4	Chi văn hóa thông tin	
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
1.6	Chi thể dục thể thao	
1.7	Chi bảo vệ môi trường	
1.8	Chi các hoạt động kinh tế	
1.9	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
1.10	Chi bảo đảm xã hội	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi trả nợ lãi	
III	Chi viện trợ	
IV	Chi thường xuyên	
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
2	Chi khoa học và công nghệ	
3	Chi y tế, dân số và gia đình	
4	Chi văn hóa thông tin	
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	
6	Chi thể dục thể thao	
7	Chi bảo vệ môi trường	
8	Chi các hoạt động kinh tế	
9	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể	
10	Chi bảo đảm xã hội	
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
VI	Dự phòng ngân sách	

DỰ TOÁN CHI NSTW CHO TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG
THEO TỪNG LĨNH VỰC VÀ CÁC NHIỆM VỤ CHI KHÁC CỦA NSTW NĂM ...
(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	TỔNG SỐ CHI (KẾ CẢ CHI BẢNG NGUỒN VAY NỢ, VIỆN TRỢ)	TRONG ĐÓ:						
			CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			CHI CẢI CÁCH TIỀN LƯƠNG	DỰ PHÒNG NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG
					TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN		
A	B	1	2	2	4	5	6	7	8
	<u>TỔNG SỐ</u>								
	Trong đó:								
I	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương								
1	Văn phòng Chủ tịch nước								
2	Văn phòng Quốc hội								
3	Văn phòng Chính phủ								
4	Tòa án nhân dân tối cao								
5	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao								
6	Bộ Giáo dục và đào tạo								
7	Bộ Y tế								
...	...								
...	...								
II	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, xã hội, xã hội - nghề nghiệp; chi cho các Ban quản lý khu công nghệ, Làng văn hóa do NSTW đảm bảo,...								
III	Chi hỗ trợ các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty, các ngân hàng,... thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao								

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

[illegible]

Thêm ví: triệu đồng

[illegible]

Ộ TÀI CHÍNH

Mẫu số 15/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NGÂN SÁCH TỪNG TỈNH, THÀNH PHỐ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

TT	TỈNH, THÀNH PHỐ	TỔNG SỐ	BỔ SUNG THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ NHIỆM VỤ THEO QUY ĐỊNH	BỔ SUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	BỔ SUNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
A	B	1=2+3+4	2	3	4
	TỔNG SỐ				
I	MIỀN NÚI PHÍA BẮC				
1	HÀ GIANG				
2	TUYÊN QUANG				
3	CAO BẰNG				
4	LẠNG SƠN				
5	LÀO CAI				
6	YÊN BÁI				
7	THÁI NGUYÊN				
8	BẮC KẠN				
9	PHÚ THỌ				
10	BẮC GIANG				
11	HÒA BÌNH				
12	SON LA				
13	LAI CHÂU				
14	ĐIỆN BIÊN				
II	ĐỒNG BẰNG SÔNG HỒNG				
15	HÀ NỘI				
16	HẢI PHÒNG				
17	QUẢNG NINH				
18	HẢI DƯƠNG				
19	HƯNG YÊN				
20	VĨNH PHÚC				
21	BẮC NINH				
22	HÀ NAM				
23	NAM ĐỊNH				
24	NINH BÌNH				
25	THÁI BÌNH				
III	BẮC T. BỘ VÀ D.HẢI M. TRUNG				
26	THANH HÓA				
27	NGHỆ AN				
28	HÀ TĨNH				
29	QUẢNG BÌNH				
30	QUẢNG TRỊ				
31	THỪA THIÊN - HUẾ				
32	ĐÀ NẴNG				
33	QUẢNG NAM				

STT	TỈNH, THÀNH PHỐ	TỔNG SỐ	BỔ SUNG THỰC HIỆN CÁC CHẾ ĐỘ, CHÍNH SÁCH VÀ NHIỆM VỤ THEO QUY ĐỊNH	BỔ SUNG THỰC HIỆN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	BỔ SUNG THỰC HIỆN CÁC CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU
A	B	1=2+3+4	2	3	4
34	QUẢNG NGÃI				
35	BÌNH ĐỊNH				
36	PHÚ YÊN				
37	KHÁNH HÒA				
38	NINH THUẬN				
39	BÌNH THUẬN				
IV	TÂY NGUYÊN				
40	ĐẮK LẮK				
41	ĐẮK NÔNG				
42	GIA LAI				
43	KON TUM				
44	LÂM ĐỒNG				
V	ĐÔNG NAM BỘ				
45	HỒ CHÍ MINH				
46	ĐỒNG NAI				
47	BÌNH DƯƠNG				
48	BÌNH PHƯỚC				
49	TÂY NINH				
50	BÀ RỊA - VŨNG TÀU				
VI	ĐỒNG BẰNG SÔNG CỬU LONG				
51	LONG AN				
52	TIỀN GIANG				
53	BẾN TRE				
54	TRÀ VINH				
55	VĨNH LONG				
56	CẦN THƠ				
57	HẬU GIANG				
58	SÓC TRĂNG				
59	AN GIANG				
60	ĐỒNG THÁP				
61	KIÊN GIANG				
62	BẠC LIÊU				
63	CÀ MAU				

DANH MỤC CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA
SỬ DỤNG VỐN NSNN (DO QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH) NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN DỰ ÁN	THỜI GIAN KHỞI CÔNG - HOÀN THÀNH	TỔNG DỰ TOÁN ĐƯỢC DUYỆT	GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN TỪ KHỞI CÔNG ĐẾN 31/12/...	ĐÃ THANH TOÁN TỪ KHỞI CÔNG ĐẾN 31/12/...	KẾ HOẠCH VỐN NĂM ...		
						TỔNG SỐ	VỐN TRONG NƯỚC	VỐN NGOÀI NƯỚC
A	B	1	2	3	4	5=6+7	6	7
1	Dự án A							
2	Dự án B							
	...							

ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ (6 THÁNG/CẢ NĂM) NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC TH QUÝ (NĂM)	SO SÁNH (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4
<u>A</u>	<u>TỔNG NGUỒN THU NSNN</u>				
I	Thu cân đối NSNN				
1	Thu nội địa				
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
<u>B</u>	<u>TỔNG CHI NSNN</u>				
	Trong đó:				
1	Chi đầu tư phát triển				
2	Chi trả nợ lãi				
3	Chi viện trợ				
4	Chi thường xuyên				
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
6	Dự phòng NSNN				
7	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
<u>C</u>	<u>BỘI CHI NSNN/ BỘI THU NSNN</u>				
<u>D</u>	<u>CHI TRẢ NỢ GỐC</u>				

ĐÁNH GIÁ THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ (6 THÁNG/CẢ NĂM) NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC TH QUÝ (CẢ NĂM)	SO SÁNH (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4
	TỔNG THU CÂN ĐỐI NSNN				
I	Thu nội địa				
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh				
4	Thuế thu nhập cá nhân				
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Các loại phí, lệ phí				
	<i>Trong đó: Lệ phí trước bạ</i>				
7	Các khoản thu về nhà, đất				
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước				
	- Thu tiền sử dụng đất				
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản				
10	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác				
11	Thu khác ngân sách				
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu				
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu				
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu				
	- Thuế xuất khẩu				
	- Thuế nhập khẩu				
	- Thuế TTDB thu từ hàng hóa nhập khẩu				
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu				
	- Thu khác				
2	Hoàn thuế GTGT				
IV	Thu viện trợ				

ĐÁNH GIÁ CHI NSNN THEO CƠ CẤU CHI QUÝ (6 THÁNG/CẢ NĂM) NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC TH QUÝ (NĂM)	SO SÁNH (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	<u>TỔNG SỐ CHI NSNN</u>				
	Trong đó:				
I	Chi đầu tư phát triển				
1	Chi đầu tư cho các dự án				
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi trả nợ lãi				
III	Chi viện trợ				
IV	Chi thường xuyên				
	Trong đó:				
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
	- Chi khoa học và công nghệ				
	- Chi y tế, dân số và gia đình				
	- Chi văn hóa thông tin				
	- Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn				
	- Chi thể dục thể thao				
	- Chi bảo vệ môi trường				
	- Chi các hoạt động kinh tế				
	- Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể				
	- Chi bảo đảm xã hội				
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
VI	Dự phòng NSNN				
VII	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SO SÁNH QT /DT	
				TƯƠNG ĐỐI (%)	TUYỆT ĐỐI
A	B	1	2	3=2/1	4=2-1
A	<u>TỔNG NGUỒN THU NSNN</u>				
I	Thu cân đối NSNN				
1	Thu nội địa				
2	Thu từ dầu thô				
3	Thu cân đối từ hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu				
4	Thu viện trợ				
II	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư năm trước				
V	Thu bổ sung từ NSTW cho NSDP				
B	<u>TỔNG CHI NSNN</u>				
	Trong đó:				
1	Chi đầu tư phát triển				
2	Chi trả nợ lãi				
3	Chi viện trợ				
4	Chi thường xuyên				
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
6	Dự phòng NSNN				
7	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
8	Chi bổ sung từ NSTW cho NSDP				
C	<u>BỘI CHI NSNN/ KẾT DƯ NSNN (1)</u> (Tỷ lệ bội chi so GDP)				
D	<u>CHI TRẢ NỢ GỐC</u>				
1	Từ nguồn vay để trả nợ gốc				
2	Từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư				

(1) Trong đó số địa phương có bội chi NSDP là ... địa phương, số địa phương có kết dư NSDP là ... địa phương

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGUỒN THU, CHI NSTW VÀ NSDP NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
<u>A</u>	<u>NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG</u>			
I	Tổng nguồn thu NSTW			
1	Thu NSTW hưởng theo phân cấp			
	- Thu thuế, phí và các khoản thu khác			
	- Thu từ nguồn viện trợ			
2	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			
4	Thu kết dư			
II	Tổng chi NSTW			
1	Chi NSTW theo phân cấp (không kể bổ sung cho NSDP)			
2	Chi bổ sung cho NSDP			
	- Chi bổ sung cân đối			
	- Chi bổ sung có mục tiêu			
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
III	Chi trả nợ gốc từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư			
IV	Bội chi NSTW/Kết dư NSTW			
<u>B</u>	<u>NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG</u>			
I	Tổng nguồn thu NSDP			
1	Thu NSDP hưởng theo phân cấp			
	- Thu thuế, phí và các khoản thu khác			
	- Thu từ nguồn viện trợ			
2	Thu bổ sung từ NSTW			
	- Thu bổ sung cân đối			
	- Thu bổ sung có mục tiêu			
3	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
4	Thu từ quỹ dự trữ tài chính			
5	Thu kết dư năm trước			
II	Tổng chi NSDP			
1	Chi cân đối NSDP và chi từ nguồn bổ sung có mục tiêu của NSTW			
2	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
III	Chi trả nợ gốc từ nguồn bội thu, tăng thu, tiết kiệm chi, kết dư			
IV	Bội chi NSDP			
V	Kết dư NSDP			

QUYẾT TOÁN THU NSNN NĂM ...
(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC			
I	Thu nội địa			
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước			
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài			
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh			
4	Thuế thu nhập cá nhân			
5	Thuế bảo vệ môi trường			
6	Các loại phí, lệ phí			
	<i>Trong đó: Lệ phí trước bạ</i>			
7	Các khoản thu về nhà, đất			
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp			
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp			
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước			
	- Thu tiền sử dụng đất			
	- Thu tiền cho thuê, bán nhà thuộc sở hữu nhà nước			
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết			
9	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản			
10	Thu từ quỹ đất công ích và hoa lợi công sản			
11	Thu khác ngân sách			
II	Thu từ dầu thô			
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất, nhập khẩu			
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu			
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu			
	- Thuế xuất khẩu			
	- Thuế nhập khẩu			
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu			
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu			
	- Thu khác			
2	Hoàn thuế GTGT			
IV	Thu viện trợ			
B	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG			
C	THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH			
D	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC			
	TỔNG CÔNG (A+B+C+D)			

**QUYẾT TOÁN CHI NSNN, CHI NSTW VÀ CHI NSDP
THEO CƠ CẤU CHI NĂM...**

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: tỷ đồng

TT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QT/DT (%)		
		NSNN	NSTW ⁽¹⁾	NSDP ⁽²⁾	NSNN	NSTW	NSDP	NSNN	NSTW	NSDP
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1	8=5/2	9=6/3
	<u>TỔNG CHI NSNN</u>									
	Trong đó:									
I	Chi đầu tư phát triển									
	Trong đó:									
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề									
	- Chi khoa học và công nghệ									
II	Chi trả nợ lãi									
III	Chi viện trợ									
IV	Chi thường xuyên									
	Trong đó:									
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề									
	- Chi khoa học và công nghệ									
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính									
VI	Dự phòng ngân sách									
VII	Chi chuyển nguồn sang năm sau									

Ghi chú: ⁽¹⁾ NSTW không bao gồm bổ sung cho NSDP.

⁽²⁾ NSDP bao gồm cả bổ sung từ NSTW.

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH TRUNG ƯƠNG THEO TỪNG LĨNH VỰC NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Tỷ đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN	SO SÁNH (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NSTW			
	Trong đó:			
I	Chi đầu tư phát triển			
1	Chi đầu tư cho các dự án			
	Trong đó:			
1.1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
1.2	Chi khoa học và công nghệ			
1.3	Chi y tế, dân số và gia đình			
1.4	Chi văn hóa thông tin			
1.5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			
1.6	Chi thể dục thể thao			
1.7	Chi bảo vệ môi trường			
1.8	Chi các hoạt động kinh tế			
1.9	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			
1.10	Chi bảo đảm xã hội			
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi trả nợ lãi			
III	Chi viện trợ			
IV	Chi thường xuyên			
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
2	Chi khoa học và công nghệ			
3	Chi y tế, dân số và gia đình			
4	Chi văn hóa thông tin			
5	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn			
6	Chi thể dục thể thao			
7	Chi bảo vệ môi trường			
8	Chi các hoạt động kinh tế			
9	Chi quản lý nhà nước, đảng, đoàn thể			
12	Chi bảo đảm xã hội			
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
VI	Dự phòng NSTW			
VII	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
VIII	Chi bổ sung ngân sách địa phương			

QUYẾT TOÁN CHI NSTW CHO TỪNG BỘ, CƠ QUAN TRUNG ƯƠNG
THEO TỪNG LĨNH VỰC VÀ CÁC NHIỆM VỤ CHI KHÁC CỦA NSTW NĂM ...
(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

SỐ TT	TÊN ĐƠN VỊ	DỰ TOÁN	QUYẾT TOÁN						SỐ SÁNH QUYẾT TOÁN/ DỰ TOÁN (%)
			TỔNG SỐ CHI (KẾ CẢ CHI BẢNG NGUỒN VAY NỢ, VIỆN TRỢ)	TRONG ĐÓ:					
				CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI THƯỜNG XUYỀN (KHÔNG KẾ CHƯƠNG TRÌNH MTQG)	CHI CHƯƠNG TRÌNH MTQG			
						TỔNG SỐ	CHI ĐẦU TƯ PHÁT TRIỂN	CHI THƯỜNG XUYỀN	
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8=2/1
	<u>TỔNG SỐ</u>								
	Trong đó:								
I	Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ, cơ quan khác ở Trung ương								
1	Văn phòng Chủ tịch nước								
2	Văn phòng Quốc hội								
3	Văn phòng Chính phủ								
4	Tòa án nhân dân tối cao								
5	Viện Kiểm sát nhân dân tối cao								
6	Bộ Giáo dục và đào tạo								
7	Bộ Y tế								
...	...								
...	...								
II	Chi hỗ trợ các tổ chức chính trị xã hội - nghề nghiệp, xã hội, xã hội - nghề nghiệp; chi cho các Ban quản lý khu công nghệ, Làng văn hóa do NSTW đảm bảo,...								
III	Chi hỗ trợ các Tập đoàn kinh tế, các Tổng công ty, các ngân hàng,... thực hiện các nhiệm vụ Nhà nước giao								

Đơn vị: triệu đồng

[illegible]

[illegible]

[illegible]

QUYẾT TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	TÊN CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA	DỰ TOÁN			QUYẾT TOÁN			SO SÁNH QUYẾT TOÁN/DỰ TOÁN (%)
		TỔNG SỐ	VỐN ĐTPT	KINH PHÍ SỰ NGHIỆP	TỔNG SỐ	VỐN ĐTPT	KINH PHÍ SỰ NGHIỆP	
A	B	1=2+3	2	3	4=5+6	5	6	7=4/1
	<u>TỔNG SỐ</u>							
1	Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới							
2	Chương trình mục tiêu quốc gia giảm nghèo bền vững							

THỰC HIỆN VỐN ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN QUAN TRỌNG QUỐC GIA
SỬ DỤNG VỐN NSNN (DO QUỐC HỘI QUYẾT ĐỊNH) NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-BTC ngày .../.../... của Bộ trưởng Bộ Tài chính)

Đơn vị tính: Triệu đồng

STT	TÊN DỰ ÁN	THỜI GIAN KHỞI CÔNG - HOÀN THÀNH	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ ĐƯỢC DUYỆT	GIÁ TRỊ KHỐI LƯỢNG THỰC HIỆN TỪ KHỞI CÔNG ĐẾN 31/12/...	LŨY KẾ KẾ HOẠCH ĐÃ BỎ TRÍ ĐẾN 31/12/...	KẾ HOẠCH VỐN NĂM...	VỐN ĐÃ THANH TOÁN THEO KẾ HOẠCH NĂM...	SỐ SÁNH THỰC HIỆN/KẾ HOẠCH (%)
A	B	1	2	3	4	5	6	7=6/5
1	Dự án A							
2	Dự án B							
	...							

BỘ TÀI CHÍNH

Số /QĐ-BTC

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách nhà nước
năm ...**

BỘ TÀI CHÍNH

Căn cứ Nghị định số 215/2013/NĐ-CP ngày 23 tháng 12 năm 2013 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính;

Căn cứ Nghị định số /2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số /2016/TT-BTC ngày tháng năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết.../20.../QH ngày.../.../20...của Quốc hội về việc quyết định dự toán (hoặc phê chuẩn quyết toán) ngân sách nhà nước năm...,

Căn cứ;

Xét đề nghị của;

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách nhà nước năm.... (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Ngân sách nhà nước, Cục trưởng Cục Kế hoạch tài chính và các Vụ, Cục, Tổng cục liên quan thuộc và trực thuộc Bộ Tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

TM. BỘ TÀI CHÍNH
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ

Nơi nhận:

- Văn phòng Trung ương Đảng;
- VP Quốc hội;
- VP Chủ tịch nước;
- Viện Kiểm sát nhân dân tối cao;
- Toà án nhân dân tối cao;
- VP Chính phủ;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ;
- Các cơ quan thuộc Chính phủ;
- Cơ quan Trung ương của các đoàn thể;
- Ban Tài chính quản trị trung ương;
- UBND các tỉnh, TP trực thuộc TW;
- Lưu: VP, Vụ NSNN.

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

Phụ lục 2
HỆ THỐNG MẪU BIỂU
CÔNG KHAI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG VÀ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
(áp dụng cho các tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách)

Phần 01: DANH MỤC BIỂU SỐ LIỆU CÔNG KHAI	
1. Công khai dự toán ngân sách địa phương trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	
Mẫu biểu số 29/CK-NSNN:	Dự toán cân đối ngân sách địa phương năm...
Mẫu biểu số 30/CK-NSNN:	Dự toán thu ngân sách nhà nước năm...
Mẫu biểu số 31/CK-NSNN:	Dự toán chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực năm...
2. Công khai dự toán ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh quyết định	
Mẫu biểu số 32/CK-NSNN:	Dự toán cân đối ngân sách địa phương năm...
Mẫu biểu số 33/CK-NSNN:	Dự toán cân đối thu, chi ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện năm...
Mẫu biểu số 34/CK-NSNN:	Dự toán thu ngân sách nhà nước năm...
Mẫu biểu số 35/CK-NSNN:	Dự toán chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực năm...
Mẫu biểu số 36/CK-NSNN:	Dự toán chi NSĐP, chi ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện theo cơ cấu chi năm...
Mẫu biểu số 37/CK-NSNN:	Dự toán chi ngân sách cấp tỉnh theo lĩnh vực từng cơ quan, tổ chức năm...
Mẫu biểu số 38/CK-NSNN:	Dự toán chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực từng huyện năm...
Mẫu biểu số 39/CK-NSNN:	Dự toán thu, chi, tỷ lệ phần trăm phân chia các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách huyện năm ...

Mẫu biểu số 40/CK-NSNN:	Tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương năm
Mẫu biểu số 41/CK-NSNN:	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách từng huyện năm...
Mẫu biểu số 42/CK-NSNN:	Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia năm...
Mẫu biểu số 43/CK-NSNN:	Dự toán chi đầu tư các dự án, công trình năm...
Mẫu biểu số 44/CK-NSNN:	Kế hoạch vay và trả nợ của ngân sách địa phương năm ...
3. Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách địa phương (quý, 6 tháng, năm)	
Mẫu biểu số 45/CK-NSNN:	Đánh giá cân đối ngân sách địa phương quý (6 tháng, cả năm) năm...
Mẫu biểu số 46/CK-NSNN:	Đánh giá thu ngân sách nhà nước quý (6 tháng, cả năm) năm...
Mẫu biểu số 47/CK-NSNN:	Đánh giá chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực quý (6 tháng, cả năm) năm...
4. Công khai quyết toán ngân sách địa phương được Hội đồng nhân dân cấp tỉnh phê chuẩn	
Mẫu biểu số 48/CK-NSNN:	Quyết toán cân đối ngân sách địa phương năm....
Mẫu biểu số 49/CK-NSNN:	Quyết toán cân đối thu, chi ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện năm ...
Mẫu biểu số 50/CK-NSNN:	Quyết toán thu ngân sách nhà nước năm...
Mẫu biểu số 51/CK-NSNN:	Quyết toán chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực năm...
Mẫu biểu số 52/CK-NSNN:	Quyết toán chi ngân sách địa phương, chi ngân sách cấp tỉnh và ngân sách huyện theo cơ cấu năm...
Mẫu biểu số 53/CK-NSNN:	Quyết toán chi ngân sách cấp tỉnh theo lĩnh vực từng cơ quan, tổ chức năm...
Mẫu biểu số 54/CK-NSNN:	Quyết toán chi ngân sách địa phương theo lĩnh vực từng huyện năm...

Mẫu biểu số 55/CK-NSNN:	Quyết toán chi bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh cho ngân sách huyện năm...
Mẫu biểu số 56/CK-NSNN:	Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia năm...
Mẫu biểu số 57/CK-NSNN:	Quyết toán vốn đầu tư các dự án, công trình năm...
Phần 02: MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG KHAI	
Mẫu số 02/QĐ-CKNS:	Quyết định về việc công bố công khai dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách nhà nước năm ... của tỉnh/thành phố trực thuộc trung ương
Phần 03: MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI	
Mẫu biểu số 02/CKNS-BC:	Báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách nhà nước năm của tỉnh/thành phố ...

DỰ TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

S T T	Nội dung	Dự toán năm hiện hành	Ước TH năm hiện hành	Dự toán năm kế hoạch	So sánh (1)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					
I	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp					
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
-	Thu bổ sung có mục tiêu					
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính					
IV	Thu kết dư					
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi thường xuyên					
3	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương					
4	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay					
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính					

S T T	Nội dung	Dự toán năm hiện hành	Ước TH năm hiện hành	Dự toán năm kế hoạch	So sánh (1)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
6	Dự phòng ngân sách					
II	Chi chương trình mục tiêu					
1	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Chi chương trình mục tiêu					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					
C	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					
D	TỔNG MỨC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					
I	Vay trong nước					
II	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước					
E	TRẢ NỢ GỐC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG					
I	Từ nguồn vay					
II	Bội thu ngân sách địa phương					
III	Tăng thu, tiết kiệm chi					
IV	Kết dư ngân sách cấp tỉnh					

Ghi chú: (1) Đối với các chỉ tiêu thu, so sánh dự toán năm kế hoạch với ước thực hiện năm hiện hành. Đối với các chỉ tiêu chi, so sánh dự toán năm kế hoạch với dự toán năm hiện hành.

DỰ TOÁN THU NSNN NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

S T T	Nội dung	Ước thực hiện năm hiện hành		Dự toán năm kế hoạch		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
I	Thu nội địa						
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)						
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Chi tiết theo sắc thuế)						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)						
5	Thuế bảo vệ môi trường						
6	Thuế thu nhập cá nhân						
7	Lệ phí trước bạ						
8	Thu phí, lệ phí						
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
11	Thu tiền sử dụng đất						
12	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước						
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Thu cổ tức và lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước						
15							
16	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (1)						

S T T	Nội dung	Ước thực hiện năm hiện hành		Dự toán năm kế hoạch		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
17	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)						
18	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
19	Thu khác ngân sách						
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu						
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu						
2	Thuế xuất khẩu						
3	Thuế nhập khẩu						
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán năm hiện hành	Dự toán năm kế hoạch	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				
I	Chi đầu tư phát triển				
	Trong đó:				
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
-	Chi khoa học và công nghệ				
-	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
-	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
-	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình				
-	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
-	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
-	Chi sự nghiệp kinh tế				
-	Chi quản lý hành chính				
-	Chi bảo đảm xã hội				
1	Chi đầu tư cho các dự án				
a	Vốn trong nước				
	Trong đó:				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất				
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết				
b	Vốn ngoài nước				
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên				

S T T	Nội dung	Dự toán năm hiện hành	Dự toán năm kế hoạch	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	Trong đó:				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình				
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp kinh tế				
9	Chi quản lý hành chính				
10	Chi bảo đảm xã hội				
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
IV	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay				
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
VI	Dự phòng ngân sách				
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU				
I	Chi chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
II	Chi chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng chương trình, mục tiêu)				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				

DỰ TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM...*(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)**Đơn vị: Triệu đồng.*

S T T	Nội dung	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	
I	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	
IV	Thu kết dư	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương	
1	Chi đầu tư phát triển	
2	Chi thường xuyên	
3	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
4	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay	
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
6	Dự phòng ngân sách	
II	Chi chương trình mục tiêu	
1	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi chương trình mục tiêu	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG/BỘI THU	
C	NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	
D	TỔNG MỨC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	
I	Vay trong nước	

S T T	Nội dung	Dự toán
II	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	
E	TRẢ NỢ GỐC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	
I	Từ nguồn vay	
II	Bội thu ngân sách địa phương	
III	Tăng thu, tiết kiệm chi	
IV	Kết dư ngân sách cấp tỉnh	

**DỰ TOÁN CÂN ĐỐI THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM...**

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

S T T	Nội dung	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH	
I	Thu ngân sách	
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	
2	Thu bổ sung từ ngân sách trung ương	
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	
4	Thu kết dư	
5	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	
	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh, không kể bổ sung cho ngân sách cấp dưới	
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh, không kể bổ sung cho ngân sách cấp dưới	
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới	
-	Chi bổ sung cân đối	
-	Chi bổ sung có mục tiêu	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
III	Bội chi ngân sách địa phương/Bội thu ngân sách địa phương	
B	NGÂN SÁCH HUYỆN (BAO GỒM NS CẤP HUYỆN VÀ XÃ)	
I	Thu ngân sách	
1	Thu ngân sách huyện hưởng theo phân cấp	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh	
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện, không kể bổ sung cho ngân sách xã	

S T T	Nội dung	Dự toán
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	
-	Chi bổ sung cân đối	
-	Chi bổ sung có mục tiêu	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

DỰ TOÁN THU NSNN NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
I	Thu nội địa		
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Chi tiết theo sắc thuế)		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)		
5	Thuế bảo vệ môi trường		
6	Thuế thu nhập cá nhân		
7	Lệ phí trước bạ		
8	Thu phí, lệ phí		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
11	Thu tiền sử dụng đất		
12	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản Thu cổ tức và lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước		
15	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (1)		
16	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)		
17	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
18	Thu khác ngân sách		
II	Thu từ dầu thô		
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu		
1	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu		
2	Thuế xuất khẩu		
3	Thuế nhập khẩu		
4	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu		
5	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu		
6	Thu khác		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	
I	Chi đầu tư phát triển	
	Trong đó:	
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
-	Chi khoa học và công nghệ	
-	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
-	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
-	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	
-	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
-	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	
-	Chi sự nghiệp kinh tế	
-	Chi quản lý hành chính	
-	Chi bảo đảm xã hội	
1	Chi đầu tư cho các dự án	
a	Vốn trong nước	
	Trong đó:	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	
b	Vốn ngoài nước	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	
	Trong đó:	
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề	
2	Chi khoa học và công nghệ	
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình	
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin	
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình	
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao	
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường	

STT	Nội dung	Dự toán
8	<i>Chi sự nghiệp kinh tế</i>	
9	<i>Chi quản lý hành chính</i>	
10	<i>Chi bảo đảm xã hội</i>	
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương	
IV	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay	
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính	
VI	Dự phòng ngân sách	
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	
I	Chi chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
II	Chi chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng chương trình, mục tiêu)	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	

DỰ TOÁN CHI NSDP, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH VÀ
NGÂN SÁCH HUYỆN THEO CƠ CẤU CHI NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

S T T	Nội dung	Ngân sách địa phương	Bao gồm	
			Ngân sách cấp tỉnh	Ngân sách huyện
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			
I	Chi đầu tư phát triển			
	Trong đó:			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
a	Vốn trong nước			
	Trong đó:			
	- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			
	- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
b	Vốn ngoài nước			
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên			
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
2	Chi khoa học và công nghệ			
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
IV	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay			
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
VI	Dự phòng ngân sách			
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			
I	Chi chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	Chi chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng chương trình, mục tiêu)			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH THEO LĨNH VỰC
TỪNG CƠ QUAN, TỔ CHỨC NĂM...**

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

[illegible]

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC TỪNG HUYỆN NĂM....

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

[illegible]

DỰ TOÁN THU, CHI, TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA VÀ SỐ BỔ SUNG CÂN ĐỐI TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH CHO NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

[illegible]

TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU PHÂN CHIA
GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: %.

S T T	Tên đơn vị	Chi tiết theo sắc thuế			
		Thuế giá trị gia tăng	Thuế thu nhập doanh nghiệp		
A	B	1	2	3	4
	<u>TỔNG SỐ</u>				
1	Huyện A				
2	Quận B				
3	Thành phố C				
4	Thị xã D				
5					
6	Xã A				
7	Phường B				
8	Thị trấn C				
9					
10					
11					
12					
13					
14					
15					
16					
17					
18					
19					
20					

**BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
CHO NGÂN SÁCH TỪNG HUYỆN NĂM...**

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung thực hiện các chế độ chính sách và nhiệm vụ theo quy định	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu
A	B	1	2	3	4
	<u>TỔNG SỐ</u>				
1	Huyện A				
2	Quận B				
3	Thành phố C				
4	Thị xã D				
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					
12					

DỰ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

[illegible]

UBND TỈNH, THÀNH PHỐ...

Mẫu số 43/CK-NSNN

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

S T T	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt			Giá trị khối lượng lũy kế từ khởi công			Đã thanh toán lũy kế từ khởi công			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm báo cáo			Dự toán								
						Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Tr.đó: Thanh toán khối lượng các năm trước	Chia theo nguồn vốn						
							Ngoài nước	Ngân sách trung ương		...	Ngoài nước		Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương			...	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
A	TỔNG SỐ																									
	NGÀNH, LĨNH VỰC																									
I	Dự án nhóm A																									
1	Dự án đầu tư mới																									
-	Dự án A																									
-																										
2	Dự án chuyển tiếp																									
-	Dự án B																									
-																										
II	Dự án nhóm																									
.....																										
B	NGÀNH, LĨNH VỰC																									
I	Dự án nhóm A																									
1	Dự án đầu tư mới																									
-	Dự án C																									
-																										
2	Dự án chuyển tiếp																									
-	Dự án D																									
-																										
II	Dự án nhóm																									
.....																										

Ghi chú: Ngành, lĩnh vực chi tiết theo 12 lĩnh vực chi thường xuyên theo quy định tại Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước

Ghi chú: Ngành, lĩnh vực chi tiết theo 12 lĩnh vực chi thường xuyên theo quy định tại Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước

KẾ HOẠCH VAY VÀ TRẢ NỢ CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

S T T	Nội dung	Kế hoạch năm
A	MỨC DƯ NỢ VAY TỐI ĐA CỦA NSDP	
B	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG	
C	KẾ HOẠCH VAY, TRẢ NỢ	
I	Tổng dư nợ đầu năm <i>Tỷ lệ mức dư nợ đầu kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	
2	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	
3	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	
4	Vốn khác	
5		
II	Tổng mức vay trong năm	
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	
2	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	
3	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	
4	Vốn khác	
5		
III	Trả nợ gốc vay trong năm	
1	Theo nguồn vốn vay	
-	Vay trong nước	
+	Trái phiếu chính quyền địa phương	
+	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	
+		
-	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	
2	Theo nguồn trả nợ	
-	Từ nguồn vay	
-	Bội thu ngân sách địa phương	
-	Tăng thu, tiết kiệm chi	
-	Kết dư ngân sách cấp tỉnh	
IV	Tổng dư nợ cuối năm	

S T T	Nội dung	Kế hoạch năm
	<i>Tỷ lệ mức dư nợ cuối kỳ so với mức dư nợ vay tối đa của ngân sách địa phương (%)</i>	
1	Trái phiếu chính quyền địa phương	
2	Ngân hàng Phát triển Việt Nam	
3	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước	
4	Vốn khác	
5		

ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ (6 THÁNG/CẢ NĂM) NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước TH Quý (Năm)	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				
I	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp				
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên				
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách				
-	Thu bổ sung có mục tiêu				
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính				
IV	Thu kết dư				
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				
I	Tổng chi cân đối ngân sách địa phương				
1	Chi đầu tư phát triển				
2	Chi thường xuyên				
3	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
4	Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay				

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước TH Quý (Năm)	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
6	Dự phòng ngân sách				
II	Chi chương trình mục tiêu				
1	Chi chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi chương trình mục tiêu				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				
C	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				
D	TRẢ NỢ GỐC VAY CỦA NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				

ĐÁNH GIÁ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ (6 THÁNG/CẢ NĂM) NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC TH QUÝ (NĂM)	SO SÁNH (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN				
I	Thu nội địa				
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh				
4	Thuế thu nhập cá nhân				
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Các loại phí, lệ phí				
7	Các khoản thu về nhà, đất				
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước				
	- Thu tiền sử dụng đất				
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà				
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				
9	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác				
10	Thu khác ngân sách				
II	Thu từ dầu thô				
III	Thu cân đối từ hoạt động xuất nhập khẩu				
1	Tổng số thu từ hoạt động xuất nhập khẩu				
	- Thuế GTGT thu từ hàng hóa nhập khẩu				
	- Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu				
	- Thuế TTĐB thu từ hàng hóa nhập khẩu				
	- Thuế BVMT thu từ hàng hóa nhập khẩu				
	- Thuế khác				
2	Hoàn thuế GTGT				
IV	Thu viện trợ				
B	THU NSDP ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP				
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu NSDP hưởng 100%				

ĐÁNH GIÁ CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC QUÝ (6 THÁNG/CẢ NĂM) NĂM...*(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)**Đơn vị: Triệu đồng.*

S T T	Nội dung	Dự toán năm hiện hành	Ước TH Quý (Năm)	So sánh	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2-1	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG				
I	Chi đầu tư phát triển				
1	Chi đầu tư cho các dự án				
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên				
	<i>Trong đó:</i>				
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>				
2	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>				
3	<i>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</i>				
4	<i>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</i>				
5	<i>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình</i>				
6	<i>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</i>				
7	<i>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</i>				
8	<i>Chi sự nghiệp kinh tế</i>				

S T T	Nội dung	Dự toán năm hiện hành	Ước TH Quý (Năm)	So sánh	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2-1	3=2/1
9	<i>Chi quản lý hành chính</i>				
10	<i>Chi bảo đảm xã hội</i>				
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương				
IV	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay				
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính				
VI	Dự phòng ngân sách				
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU				
I	Chi chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
II	Chi chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng chương trình, mục tiêu)				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			
1	Thu ngân sách địa phương được hưởng theo phân cấp			
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			
-	Bổ sung cân đối ngân sách			
-	Bổ sung có mục tiêu			
3	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính			
4	Thu kết dư			
5	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang			
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			
I	Chi cân đối ngân sách địa phương			
1	Chi đầu tư phát triển			
	Trong đó: - Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
2	Chi thường xuyên			
	Trong đó: - Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
3	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
4	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay			
5	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
6	Dự phòng ngân sách			
II	Chi chương trình mục tiêu			
1	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			
2	Chi chương trình mục tiêu			
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
C	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH CẤP DƯỚI			
1	Bổ sung cân đối ngân sách			
2	Bổ sung có mục tiêu			
D	BỘI CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG/BỘI THU NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			
E	KẾT DƯ			
F	TỔNG MỨC VAY TRONG NĂM			
1	Vay trong nước			
2	Vay lại từ nguồn Chính phủ vay ngoài nước			
G	TRẢ NỢ GỐC VAY TRONG NĂM			
1	Từ nguồn vay			
2	Bội thu ngân sách địa phương			
3	Tăng thu, tiết kiệm chi			
4	Kết dư ngân sách cấp tỉnh			
H	MỨC DƯ NỢ CUỐI NĂM			

**QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP TỈNH
VÀ NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM...**

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	NGÂN SÁCH CẤP TỈNH			
I	Thu ngân sách			
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp			
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			
-	Bổ sung cân đối ngân sách			
-	Bổ sung có mục tiêu			
3	Thu từ Quỹ dự trữ tài chính			
4	Thu kết dư			
5	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang			
II	Chi ngân sách			
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp tỉnh (huyện), không kể bổ sung cho ngân sách cấp dưới			
2	Chi bổ sung cho ngân sách cấp dưới			
-	Chi bổ sung cân đối			
-	Chi bổ sung có mục tiêu			
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
III	Bội chi ngân sách địa phương/Bội thu ngân sách địa phương			
IV	Kết dư			
B	NGÂN SÁCH HUYỆN			
I	Thu ngân sách			
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp			
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp tỉnh			
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách			
-	Thu bổ sung có mục tiêu			
3	Thu kết dư			
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
II	Chi ngân sách			
1	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện, không kể bổ sung cho ngân sách xã			
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã			
-	Chi bổ sung cân đối			
-	Chi bổ sung có mục tiêu			
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
III	Kết dư			

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
I	Thu nội địa						
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)						
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Chi tiết theo sắc thuế)						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)						
5	Thuế bảo vệ môi trường						
6	Thuế thu nhập cá nhân						
7	Lệ phí trước bạ						
8	Thu phí, lệ phí						
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
11	Thu tiền sử dụng đất						
12	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước						
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP	Tổng thu NSNN	Thu NSDP
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
15	Thu cổ tức						
16	Lợi nhuận được chia của Nhà nước và lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước						
17	Chênh lệch thu chi Ngân hàng Nhà nước (1)						
18	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)						
19	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
20	Thu khác ngân sách						
II	Thu từ dầu thô						
III	Thu từ hoạt động xuất nhập khẩu						
1	Thuế xuất khẩu						
2	Thuế nhập khẩu						
3	Thuế tiêu thụ đặc biệt thu từ hàng hóa nhập khẩu						
4	Thuế bảo vệ môi trường thu từ hàng hóa nhập khẩu						
5	Thuế giá trị gia tăng thu từ hàng hóa nhập khẩu						
6	Thu khác						
B	THU TỪ QUỸ DỰ TRỮ TÀI CHÍNH						
C	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC						
D	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG						

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG THEO LĨNH VỰC NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG			
I	Chi đầu tư phát triển			
	Trong đó:			
-	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
-	Chi khoa học và công nghệ			
-	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
-	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
-	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình			
-	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
-	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
-	Chi sự nghiệp kinh tế			
-	Chi quản lý hành chính			
-	Chi bảo đảm xã hội			
1	Chi đầu tư cho các dự án			
a	Vốn trong nước			
	Trong đó:			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
b	Vốn ngoài nước			
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên			
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
2	Chi khoa học và công nghệ			
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình			
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
8	Chi sự nghiệp kinh tế			
9	Chi quản lý hành chính			
10	Chi bảo đảm xã hội			
III	Chi tạo nguồn, điều chỉnh tiền lương			
IV	Chi trả nợ lãi do chính quyền địa phương vay			
V	Chi bổ sung quỹ dự trữ tài chính			
VI	Dự phòng ngân sách			
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			
I	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			
	(Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			

STT	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
II	Chi chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng chương trình, mục tiêu)			
C	CHI CHUYÊN NGUỒN SANG NĂM SAU			

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

[illegible]

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

[illegible]

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

[illegible]

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

[illegible]

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

[illegible]

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

[illegible]

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ.....**

Số /QĐ-UB

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách năm...
của tỉnh/thành phố...**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH/THÀNH PHỐ....

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11 ngày 10/12/2003 của Quốc hội khóa 10, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ Nghị định số /2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số /2016/TT-BTC ngày tháng năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết.../20.../NQ-HĐND ngày.../.../20...của Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố... về việc quyết định dự toán (hoặc phê chuẩn quyết toán) ngân sách nhà nước năm...;

Căn cứ ...;

Xét đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách năm... của tỉnh/thành phố (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố, Sở Tài chính, thủ trưởng các Sở, ngành, đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Bộ Tài chính;
- Văn phòng tỉnh uỷ; Văn phòng HĐND
- Các Sở, Ban, ngành thuộc UBND tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân tỉnh;
- Toà án nhân dân tỉnh;
- Cơ quan của các đoàn thể ở tỉnh;
- UBND các huyện, quận, thị xã, TP thuộc tỉnh;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH/THÀNH PHỐ**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số /UB-BC

....., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Bộ Tài chính

V/v báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách nhà nước năm của tỉnh/thành phố ...

Ủy ban nhân dân tỉnh/thành phố ... báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách nhà nước năm... trên địa bàn huyện theo Nghị định số /2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số /2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách như sau:

I. Tình hình công khai ngân sách tại các xã, phường, thị trấn trong tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

1. Số xã chưa công khai ngân sách: ...
2. Số xã đã thực hiện công khai ngân sách: ...

Trong đó:

- Đúng nội dung quy định: xã, chưa đúng nội dung quy định: ... xã
- Đúng hình thức quy định: xã, chưa đúng hình thức quy định: ... xã
- Đúng thời gian quy định: xã, chưa đúng thời gian quy định: ... xã

II. Tình hình công khai ngân sách của các huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương:

1. Số huyện chưa thực hiện công khai ngân sách: ... (nêu cụ thể từng huyện)
2. Số huyện đã thực hiện công khai ngân sách: ... (chi tiết theo biểu sau)

STT	Tên từng huyện	Huyện đã thực hiện công khai ngân sách			Ghi chú
		Nội dung	Hình thức	Thời gian	

		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian quy định	Chưa đúng thời gian quy định	
1	Huyện A							
2	Quận B							
...	...							

III. Tình hình công khai ngân sách của tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương:

- Tỉnh chưa thực hiện công khai ngân sách
- Tỉnh đã thực hiện công khai ngân sách (nêu rõ công khai có đúng nội dung, hình thức, thời gian không)

IV. Tình hình thực hiện công khai ngân sách của các đơn vị dự toán ngân sách thuộc Ủy ban nhân dân tỉnh:

- Số đơn vị dự toán chưa thực hiện công khai: ...
- Số đơn vị dự toán đã thực hiện công khai ngân sách: ... (nêu rõ công khai có đúng nội dung, hình thức, thời gian không)

V. Tình hình thực hiện công khai tài chính của các đơn vị được ngân sách nhà nước hỗ trợ:

- Số đơn vị được ngân sách nhà nước hỗ trợ chưa thực hiện công khai: ...
- Số đơn vị được ngân sách nhà nước hỗ trợ đã thực hiện công khai: ... (nêu rõ công khai có đúng nội dung, hình thức, thời gian không)

VI. Tình hình thực hiện công khai tài chính của các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

- Số dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước chưa thực hiện công khai: ...
- Số dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước đã thực hiện công khai: ... (nêu rõ công khai có đúng nội dung, hình thức, thời gian không)

VII. Nêu những nguyên nhân tại sao chưa công khai hoặc đã công khai nhưng chưa đúng quy định của các cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh.

Nơi nhận:

- Văn phòng tỉnh ủy;
- Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh/thành phố;
- Các tổ chức chính trị - xã hội ở tỉnh;
- Lưu: VT,....

**TM. ỦY BAN TỈNH/THÀNH
PHỐ...
Chủ tịch**

(Ký tên & đóng dấu)

Phụ lục 3
HỆ THỐNG MẪU BIỂU
CÔNG KHAI NGÂN SÁCH HUYỆN VÀ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
(áp dụng cho UBND quận/huyện/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, thành phố
thuộc thành phố trực thuộc trung ương)
(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn
việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách)

Phần 01: DANH MỤC BIỂU SỐ LIỆU CÔNG KHAI	
1. Công khai dự toán ngân sách huyện đã được UBND cấp huyện trình Hội đồng nhân dân cấp huyện	
Mẫu biểu số 58/CK-NSNN:	Dự toán cân đối ngân sách huyện năm...
Mẫu biểu số 59/CK-NSNN:	Dự toán thu ngân sách nhà nước năm...
Mẫu biểu số 60/CK-NSNN:	Dự toán chi ngân sách huyện theo lĩnh vực năm ...
2. Công khai dự toán ngân sách huyện đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện quyết định	
Mẫu biểu số 61/CK-NSNN:	Dự toán cân đối ngân sách huyện năm...
Mẫu biểu số 62/CK-NSNN:	Dự toán cân đối thu, chi ngân sách cấp huyện và ngân sách xã năm...
Mẫu biểu số 63/CK-NSNN:	Dự toán thu ngân sách nhà nước năm...
Mẫu biểu số 64/CK-NSNN:	Dự toán chi ngân sách huyện theo lĩnh vực năm...
Mẫu biểu số 65/CK-NSNN:	Dự toán chi huyện, chi ngân sách cấp huyện và ngân sách xã theo cơ cấu năm...
Mẫu biểu số 66/CK-NSNN:	Dự toán chi ngân sách cấp huyện theo lĩnh vực từng cơ quan, tổ chức năm...
Mẫu biểu số 67/CK-NSNN:	Dự toán thu, chi, tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu phân chia và số bổ sung cân đối từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách xã năm ...
Mẫu biểu số 68/CK-NSNN:	Bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách từng xã năm...

Mẫu biểu số 69/CK-NSNN:	Dự toán chi chương trình mục tiêu quốc gia năm...
Mẫu biểu số 70/CK-NSNN:	Dự toán chi đầu tư các dự án, công trình năm...
3. Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách huyện (quý, 6 tháng, năm)	
Mẫu biểu số 71/CK-NSNN:	Đánh giá cân đối ngân sách huyện quý (6 tháng, cả năm) năm...
Mẫu biểu số 72/CK-NSNN:	Đánh giá thu ngân sách nhà nước quý (6 tháng, cả năm) năm...
Mẫu biểu số 73/CK-NSNN:	Đánh giá chi ngân sách huyện theo lĩnh vực quý (6 tháng, cả năm) năm...
4. Công khai quyết toán ngân sách huyện đã được Hội đồng nhân dân cấp huyện phê chuẩn	
Mẫu biểu số 74/CK-NSNN:	Quyết toán cân đối ngân sách huyện năm....
Mẫu biểu số 75/CK-NSNN:	Quyết toán cân đối thu, chi ngân sách cấp huyện và ngân sách xã năm ...
Mẫu biểu số 76/CK-NSNN:	Quyết toán thu ngân sách nhà nước năm...
Mẫu biểu số 77/CK-NSNN:	Quyết toán chi ngân sách huyện theo lĩnh vực năm...
Mẫu biểu số 78/CK-NSNN:	Quyết toán chi ngân sách huyện, chi ngân sách cấp huyện và chi ngân sách xã theo cơ cấu năm...
Mẫu biểu số 79/CK-NSNN:	Quyết toán chi ngân sách cấp huyện theo lĩnh vực từng cơ quan, tổ chức năm...
Mẫu biểu số 80/CK-NSNN:	Quyết toán chi ngân sách huyện theo lĩnh vực từng xã năm...
Mẫu biểu số 81/CK-NSNN:	Quyết toán chi bổ sung có mục tiêu từ ngân sách cấp huyện cho ngân sách từng xã năm...
Mẫu biểu số 82/CK-NSNN:	Quyết toán chi chương trình mục tiêu quốc gia năm...
Mẫu biểu số 83/CK-NSNN:	Quyết toán chi đầu tư các dự án, công trình năm...

Phần 02: MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG KHAI	
Mẫu số 03/QĐ-CKNS:	Quyết định về việc công bố công khai dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách nhà nước năm ... của huyện/quận/thị xã/thành phố thuộc tỉnh, thành phố thuộc thành phố trực thuộc trung ương
Phần 03: MẪU BÁO CÁO TÌNH HÌNH THỰC HIỆN CÔNG KHAI	
Mẫu biểu số 01/CKNS-BC:	Báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách nhà nước năm của huyện/quận/thị xã/thành phố

DỰ TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

S T T	Nội dung	Dự toán năm hiện hành	ƯTH năm hiện hành	Dự toán năm kế hoạch	So sánh (1)	
					Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3	4	5
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN					
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp					
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên					
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách					
-	Thu bổ sung có mục tiêu					
III	Thu kết dư					
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang					
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN					
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện					
1	Chi đầu tư phát triển					
2	Chi thường xuyên					
3	Dự phòng ngân sách					
II	Chi chương trình mục tiêu					
1	Chi chương trình mục tiêu quốc gia					
2	Chi chương trình mục tiêu					
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau					

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM...
(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

S T T	Nội dung	Ước thực hiện năm hiện hành		Dự toán năm kế hoạch		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
I	Thu nội địa						
	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý						
1	(Chi tiết theo sắc thuế)						
	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý						
2	(Chi tiết theo sắc thuế)						
	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài						
3	(Chi tiết theo sắc thuế)						
	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh						
4	(Chi tiết theo sắc thuế)						
5	Thuế bảo vệ môi trường						
6	Thuế thu nhập cá nhân						
7	Lệ phí trước bạ						
8	Thu phí, lệ phí						
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
11	Thu tiền sử dụng đất						
12	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước						
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
15	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)						
16	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
17	Thu khác ngân sách						
II	Thu viện trợ						

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng

S T T	Nội dung	Dự toán năm hiện hành	Dự toán năm kế hoạch	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
A	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN				
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN				
I	Chi đầu tư phát triển				
	Trong đó:				
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
	- Chi khoa học và công nghệ				
	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình				
	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
	Chi sự nghiệp kinh tế				
	Chi quản lý hành chính				
	Chi bảo đảm xã hội				
1	Chi đầu tư cho các dự án				
a	Vốn trong nước				
	Trong đó:				
	- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất				
	- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết				
b	Vốn ngoài nước				
2	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên				

S T T	Nội dung	Dự toán năm hiện hành	Dự toán năm kế hoạch	So sánh	
				Tuyệt đối	Tương đối (%)
A	B	1	2	3=2-1	4=2/1
	<i>Trong đó:</i> 1 <i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i> 2 <i>Chi khoa học và công nghệ</i> 3 <i>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</i> 4 <i>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</i> 5 <i>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình</i> 6 <i>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</i> 7 <i>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</i> 8 <i>Chi sự nghiệp kinh tế</i> 9 <i>Chi quản lý hành chính</i> 10 <i>Chi bảo đảm xã hội</i>				
III	Dự phòng ngân sách				
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU				
I	Chi chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
II	Chi chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng chương trình, mục tiêu)				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				

DỰ TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

S T T	Nội dung	Dự toán
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN	
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp	
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
III	Thu từ quỹ dự trữ tài chính	
IV	Thu kết dư	
V	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện	
1	Chi đầu tư phát triển	
2	Chi thường xuyên	
3	Dự phòng ngân sách	
II	Chi chương trình mục tiêu	
1	Chi chương trình mục tiêu quốc gia	
2	Chi chương trình mục tiêu	
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau	

DỰ TOÁN CÂN ĐỐI THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

S T T	Nội dung	Dự toán
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN	
I	Thu ngân sách	
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên	
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	
	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện, không kể bổ sung	
1	cho ngân sách xã	
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã	
-	Chi bổ sung cân đối	
-	Chi bổ sung có mục tiêu	
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau	
B	NGÂN SÁCH XÃ	
I	Thu ngân sách	
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp	
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp huyện	
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách	
-	Thu bổ sung có mục tiêu	
3	Thu kết dư	
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang	
II	Chi ngân sách	

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

S T T	Nội dung	Dự toán năm	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC		
I	Thu nội địa		
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)		
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Chi tiết theo sắc thuế)		
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)		
5	Thuế bảo vệ môi trường		
6	Thuế thu nhập cá nhân		
7	Lệ phí trước bạ		
8	Thu phí, lệ phí		
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp		
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
11	Thu tiền sử dụng đất		
12	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước		
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước		
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản		
15	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)		
16	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác		
17	Thu khác ngân sách		
II	Thu viện trợ		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM...*(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)**Đơn vị: Triệu đồng*

STT	Nội dung	Dự toán
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN	
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN	
I	Chi đầu tư phát triển	
	<i>Trong đó:</i>	
-	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	
-	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	
-	<i>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</i>	
-	<i>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</i>	
-	<i>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình</i>	
-	<i>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</i>	
-	<i>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</i>	
-	<i>Chi sự nghiệp kinh tế</i>	
-	<i>Chi quản lý hành chính</i>	
-	<i>Chi bảo đảm xã hội</i>	
1	Chi đầu tư cho các dự án	
a	<i>Vốn trong nước</i>	
	<i>Trong đó:</i>	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất	
-	Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết	
b	<i>Vốn ngoài nước</i>	
2	Chi đầu tư phát triển khác	
II	Chi thường xuyên	
	<i>Trong đó:</i>	
1	<i>Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề</i>	
2	<i>Chi khoa học và công nghệ</i>	
3	<i>Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình</i>	
4	<i>Chi sự nghiệp văn hóa thông tin</i>	
5	<i>Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình</i>	
6	<i>Chi sự nghiệp thể dục thể thao</i>	
7	<i>Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường</i>	

STT	Nội dung	Dự toán
8	<i>Chi sự nghiệp kinh tế</i>	
9	<i>Chi quản lý hành chính</i>	
10	<i>Chi bảo đảm xã hội</i>	
III	Dự phòng ngân sách	
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU	
I	Chi chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)	
II	Chi chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng chương trình, mục tiêu)	
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU	

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN VÀ
NGÂN SÁCH XÃ THEO CƠ CẤU NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Ngân sách huyện	Bao gồm	
			Ngân sách cấp huyện	Ngân sách xã
A	B	1=2+3	2	3
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN			
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN			
I	Chi đầu tư phát triển			
	Trong đó:			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
a	Vốn trong nước			
	Trong đó:			
	- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			
	- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
b	Vốn ngoài nước			
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên			
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
2	Chi khoa học và công nghệ			
III	Dự phòng ngân sách			
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			
I	Chi chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			
II	Chi chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng chương trình, mục tiêu)			
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

[illegible]

BND QUẬN, HUYỆN, THỊ XÃ, THÀNH PHỐ...

Mẫu số 68/CK-NSNN

BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN

CHO NGÂN SÁCH TỪNG XÃ NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

TT	Tên đơn vị	Tổng số	Bổ sung thực hiện các chế độ chính sách và nhiệm vụ theo quy định	Bổ sung thực hiện các chương trình mục tiêu Quốc gia	Bổ sung thực hiện các chương trình, mục tiêu
A	B	1	2	3	4
	<u>TỔNG SỐ</u>				
1	Xã A				
2	Phường B				
3	Thị trấn C				
4					
5					
6					
7					
8					
9					
10					
11					

DỰ TOÁN CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU QUỐC GIA NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

[illegible]

DỰ TOÁN CHI ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

S T T	Tên dự án, công trình	Địa điểm xây dựng	Năng lực thiết kế	Thời gian khởi công hoàn thành	Quyết định đầu tư	Tổng mức đầu tư được duyệt			Giá trị khối lượng lũy kế từ khởi công			Đã thanh toán lũy kế từ khởi công			Lũy kế vốn đã bố trí đến năm báo cáo			Dự toán								
						Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Chia theo nguồn vốn		Tổng số	Tr.đó: Thanh toán khối lượng các năm trước	Chia theo nguồn vốn						
							Ngoài nước	Ngân sách trung ương		...	Ngoài nước		Ngân sách trung ương	...		Ngoài nước	Ngân sách trung ương			...	Ngoài nước	Ngân sách trung ương	...			
A	B	1	2	3	4	5	6	7	8	9	10	11	12	13	14	15	16	17	18	19	20	21	22	23	24	25
	TỔNG SỐ																									
A	NGÀNH, LĨNH VỰC																									
1	Dự án nhóm A																									
1	Dự án đầu tư mới																									
-	Dự án A																									
-																										
2	Dự án chuyển tiếp																									
-	Dự án B																									
-																										
11	Dự án nhóm																									
.....																										
B	NGÀNH, LĨNH VỰC																									
1	Dự án nhóm A																									
1	Dự án đầu tư mới																									
-	Dự án C																									
-																										
2	Dự án chuyển tiếp																									
-	Dự án D																									
-																										
11	Dự án nhóm																									
.....																										

Ghi chú: Ngành, lĩnh vực chi tiết theo 12 lĩnh vực chi thường xuyên theo quy định tại Điều 38 Luật Ngân sách nhà nước

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

STT	Nội dung	Dự toán năm	Ước TH quý (năm)	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	TỔNG THU NGÂN SÁCH HUYỆN				
I	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp				
II	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên				
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách				
-	Thu bổ sung có mục tiêu				
III	Thu kết dư				
IV	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang				
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN				
I	Tổng chi cân đối ngân sách huyện				
1	Chi đầu tư phát triển				
2	Chi thường xuyên				
3	Dự phòng ngân sách				
II	Chi chương trình mục tiêu				
1	Chi chương trình mục tiêu quốc gia				
2	Chi chương trình mục tiêu				
III	Chi chuyển nguồn sang năm sau				

ĐÁNH GIÁ THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC QUÝ (6 THÁNG/CẢ NĂM) NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC TH QUÝ (NĂM)	SO SÁNH (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4
A	TỔNG THU NSNN TRÊN ĐỊA BÀN				
I	Thu nội địa				
1	Thu từ khu vực doanh nghiệp Nhà nước				
2	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài				
3	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh				
4	Thuế thu nhập cá nhân				
5	Thuế bảo vệ môi trường				
6	Các loại phí, lệ phí				
7	Các khoản thu về nhà, đất				
	- Thuế sử dụng đất nông nghiệp				
	- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp				
	- Thu tiền cho thuê đất, thuê mặt nước				
	- Thu tiền sử dụng đất				
	- Thu tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước				
8	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết				

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM	ƯỚC TH QUÝ (NĂM)	SO SÁNH (%)	
				DỰ TOÁN	CÙNG KỲ NĂM TRƯỚC
A	B	1	2	3	4
9	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác				
10	Thu khác ngân sách				
IV	Thu viện trợ				
B	THU NS HUYỆN ĐƯỢC HƯỞNG THEO PHÂN CẤP				
1	Từ các khoản thu phân chia				
2	Các khoản thu NS huyện hưởng 100%				

ĐÁNH GIÁ CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THEO LĨNH VỰC QUÝ (6 THÁNG/CẢ NĂM) NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

S T T	Nội dung	Dự toán năm hiện hành	Ước TH Quý (Năm)	So sánh (%)	
				Dự toán	Cùng kỳ năm trước
A	B	1	2	3=2-1	3=2/1
A	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN				
I	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN				
1	Chi đầu tư phát triển				
2	Chi đầu tư cho các dự án				
3	Chi đầu tư phát triển khác				
II	Chi thường xuyên				
	<i>Trong đó:</i>				
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề				
2	Chi khoa học và công nghệ				
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình				
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin				
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình				
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao				
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường				
8	Chi sự nghiệp kinh tế				
9	Chi quản lý hành chính				
10	Chi bảo đảm xã hội				
III	Dự phòng ngân sách				
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU				
I	Chi chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)				
II	Chi chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng chương trình, mục tiêu)				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU				

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

S T T	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	TỔNG NGUỒN THU NGÂN SÁCH HUYỆN			
1	Thu ngân sách huyện được hưởng theo phân cấp			
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			
-	Bổ sung cân đối ngân sách			
-	Bổ sung có mục tiêu			
3	Thu kết dư			
4	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang			
B	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN			
I	Chi cân đối ngân sách huyện			
1	Chi đầu tư phát triển			
	Trong đó: - Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
2	Chi thường xuyên			
	Trong đó: - Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
3	Dự phòng ngân sách			
II	Chi chương trình mục tiêu			
1	Chi chương trình mục tiêu quốc gia			
2	Chi chương trình mục tiêu			
II	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
C	CHI BỔ SUNG CHO NGÂN SÁCH XÃ			
1	Bổ sung cân đối ngân sách			
2	Bổ sung có mục tiêu			

**QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI THU, CHI NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN
VÀ NGÂN SÁCH XÃ NĂM...**

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

S T T	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
A	NGÂN SÁCH CẤP HUYỆN			
I	Thu ngân sách			
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp			
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			
-	Bổ sung cân đối ngân sách			
-	Bổ sung có mục tiêu			
3	Thu kết dư			
4	Thu chuyển nguồn năm trước chuyển sang			
II	Chi ngân sách			
	Chi thuộc nhiệm vụ của ngân sách cấp huyện, không kể bổ sung cho ngân sách xã			
1				
2	Chi bổ sung cho ngân sách xã			
-	Chi bổ sung cân đối			
-	Chi bổ sung có mục tiêu			
3	Chi chuyển nguồn sang năm sau			
III	Kết dư			
B	NGÂN SÁCH XÃ			
I	Thu ngân sách			
1	Thu ngân sách được hưởng theo phân cấp			
2	Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên			
-	Thu bổ sung cân đối ngân sách			
-	Thu bổ sung có mục tiêu			
3	Thu kết dư			
4	Thu chuyển nguồn từ năm trước chuyển sang			
II	Chi ngân sách			
III	Kết dư			

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
	TỔNG THU NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
A	TỔNG THU CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC						
I	Thu nội địa						
1	Thu từ khu vực DNNN do Trung ương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)						
2	Thu từ khu vực DNNN do Địa phương quản lý (Chi tiết theo sắc thuế)						
3	Thu từ khu vực doanh nghiệp có vốn đầu tư nước ngoài (Chi tiết theo sắc thuế)						
4	Thu từ khu vực kinh tế ngoài quốc doanh (Chi tiết theo sắc thuế)						
5	Thuế bảo vệ môi trường						
6	Thuế thu nhập cá nhân						
7	Lệ phí trước bạ						
8	Thu phí, lệ phí						
9	Thuế sử dụng đất nông nghiệp						
10	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						

STT	Nội dung	Dự toán		Quyết toán		So sánh (%)	
		Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện	Tổng thu NSNN	Thu NS huyện
A	B	1	2	3	4	5=3/1	6=4/2
11	Thu tiền sử dụng đất						
12	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước						
13	Tiền cho thuê và tiền bán nhà ở thuộc sở hữu nhà nước						
14	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản						
15	Thu từ hoạt động xổ số kiến thiết (Chi tiết theo sắc thuế)						
16	Thu từ quỹ đất công ích, hoa lợi công sản khác						
17	Thu khác ngân sách						
II	THU VIỆN TRỢ						
III	THU KẾT DƯ NĂM TRƯỚC						
B	THU CHUYỂN NGUỒN TỪ NĂM TRƯỚC CHUYỂN SANG						

QUYẾT TOÁN CHI NGÂN SÁCH HUYỆN THEO LĨNH VỰC NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

S T T	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
A	B	1	2	3=2/1
	TỔNG CHI NGÂN SÁCH HUYỆN			
A	CHI CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH HUYỆN			
I	Chi đầu tư phát triển			
	Trong đó:			
	- Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
	- Chi khoa học và công nghệ			
	- Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
	- Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
	- Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình			
	- Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
	- Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			
	- Chi sự nghiệp kinh tế			
	- Chi quản lý hành chính			
	- Chi bảo đảm xã hội			
1	Chi đầu tư cho các dự án			
a	Vốn trong nước			
	Trong đó:			
	- Chi đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất			
	- Chi đầu tư từ nguồn thu xổ số kiến thiết			
b	Vốn ngoài nước			
2	Chi đầu tư phát triển khác			
II	Chi thường xuyên			
	Trong đó:			
1	Chi giáo dục - đào tạo và dạy nghề			
2	Chi khoa học và công nghệ			
3	Chi sự nghiệp y tế, dân số và gia đình			
4	Chi sự nghiệp văn hóa thông tin			
5	Chi sự nghiệp phát thanh, truyền hình			
6	Chi sự nghiệp thể dục thể thao			
7	Chi sự nghiệp bảo vệ môi trường			

S T T	Nội dung	Dự toán	Quyết toán	So sánh (%)
8	<i>Chi sự nghiệp kinh tế</i>			
9	<i>Chi quản lý hành chính</i>			
10	<i>Chi bảo đảm xã hội</i>			
III	Dự phòng ngân sách			
B	CHI CHƯƠNG TRÌNH MỤC TIÊU			
	Chi chương trình mục tiêu quốc gia (Chi tiết theo từng Chương trình mục tiêu quốc gia)			
I				
	Chi chương trình mục tiêu (Chi tiết theo từng chương trình mục tiêu)			
II				
C	CHI CHUYỂN NGUỒN SANG NĂM SAU			

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

[illegible]

[illegible]

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

[illegible]

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

[illegible]

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng.

[illegible]

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ CÁC DỰ ÁN, CÔNG TRÌNH NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND...)

Đơn vị: Triệu đồng

[illegible]

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/QUẬN/THỊ
XÃ/THÀNH PHỐ....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số /QĐ-UB

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách năm...
của huyện/quận/thị xã/thành phố....**

ỦY BAN NHÂN DÂN HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH PHỐ....

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11 ngày 10/12/2003 của Quốc hội khóa 10, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ Nghị định số /2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số /2016/TT-BTC ngày tháng năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết.../20.../NQ-HĐND ngày.../.../20...của Hội đồng nhân dân huyện/quận/thị xã/thành phố... về việc quyết định dự toán (hoặc phê chuẩn quyết toán) ngân sách nhà nước năm...;

Căn cứ ...;

Xét đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách năm... của huyện/quận/thị xã/thành phố (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Chánh văn phòng Ủy ban nhân dân huyện/quận/thị xã/thành phố, Phòng Tài chính, thủ trưởng các đơn vị liên quan tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân tỉnh;
- Sở Tài chính;
- Văn phòng huyện ủy; Văn phòng HĐND huyện;
- Các phòng, ban thuộc UBND huyện;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện;
- Tòa án nhân dân huyện;
- Cơ quan của các đoàn thể ở huyện ;
- UBND các xã, phường, thị trấn thuộc huyện;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA
NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên

**ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/QUẬN/THỊ
XÃ/THÀNH PHỐ....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số /UB-BC

....., ngày ... tháng ... năm ...

Kính gửi: Sở Tài chính tỉnh/thành phố ...

V/v Báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách nhà nước năm của huyện/quận/thị xã/thành phố

Ủy ban nhân dân huyện/quận/thị xã/thành phố... báo cáo tình hình thực hiện công khai dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách năm... trên địa bàn huyện theo Nghị định số /2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước, Thông tư số /2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách như sau:

I. Tình hình công khai ngân sách tại các xã, phường, thị trấn thuộc huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh:

- Số xã chưa công khai ngân sách: ... (nêu rõ tên từng xã)
- Số xã đã thực hiện công khai: ... (chi tiết theo biểu sau)

Stt	Tên từng xã	Xã đã thực hiện công khai ngân sách						Ghi chú
		Nội dung		Hình thức		Thời gian		
		Đúng nội dung	Chưa đúng nội dung	Đúng hình thức	Chưa đúng hình thức	Đúng thời gian quy định	Chưa đúng thời gian quy định	
1	Xã A							
2	Xã B							
...	...							

- Nêu những nguyên nhân tại sao chưa công khai ngân sách hoặc đã công khai ngân sách nhưng chưa đúng quy định.

II. Tình hình công khai ngân sách của huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh theo quy định.

- Huyện chưa thực hiện công khai ngân sách
- Huyện đã thực hiện công khai ngân sách (nêu rõ công khai có đúng nội dung, hình thức, thời gian không)

III. Tình hình thực hiện công khai tài chính của các đơn vị dự toán ngân sách thuộc Ủy ban nhân dân huyện:

- Số đơn vị dự toán chưa thực hiện công khai:...
- Số đơn vị dự toán đã thực hiện công khai ngân sách:... (nêu rõ công khai có đúng nội dung, hình thức, thời gian không)

IV. Tình hình thực hiện công khai tài chính của các đơn vị được ngân sách nhà nước hỗ trợ:

- Số đơn vị được ngân sách nhà nước hỗ trợ chưa thực hiện công khai: ...
- Số đơn vị được ngân sách nhà nước hỗ trợ thực hiện công khai: ... (nêu rõ công khai có đúng nội dung, hình thức, thời gian không)

V. Tình hình thực hiện công khai tài chính của các dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước:

- Số dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước chưa thực hiện công khai: ...
- Số dự án đầu tư xây dựng cơ bản có sử dụng vốn ngân sách nhà nước thực hiện công khai: ... (nêu rõ công khai có đúng nội dung, hình thức, thời gian không)

VI. Nêu những nguyên nhân tại sao chưa công khai hoặc đã công khai nhưng chưa đúng quy định của các cơ quan, đơn vị thuộc huyện.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Huyện ủy;
- Hội đồng nhân dân huyện;
- Các tổ chức chính trị - xã hội ở huyện;
- Lưu: VT,....

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
HUYỆN/QUẬN/THỊ XÃ/THÀNH
PHỐ THUỘC TỈNH...**

Chủ tịch

(Ký tên & đóng dấu)

Phụ lục 4
HỆ THỐNG MẪU BIỂU
CÔNG KHAI NGÂN SÁCH XÃ VÀ CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC Ở XÃ
(áp dụng cho UBND xã, phường, thị trấn)

(Ban hành kèm theo Thông tư số 12/2016/TT-BTC của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thực hiện công khai ngân sách nhà nước đối với các cấp ngân sách)

PHẦN 01: DANH MỤC BIỂU SỐ LIỆU CÔNG KHAI		
1. Công khai dự toán ngân sách xã và kế hoạch hoạt động tài chính khác ở xã đã được UBND xã khi trình Hội đồng nhân dân xã		
Mẫu biểu số 84/CK-NSNN:		Dự toán cân đối ngân sách xã năm...
Mẫu biểu số 85/CK-NSNN:		Dự toán thu ngân sách xã năm...
Mẫu biểu số 86/CK-NSNN:		Dự toán chi ngân sách xã năm...
Mẫu biểu số 87/CK-NSNN:		Kế hoạch thu, chi các hoạt động tài chính khác của xã năm...
2. Công khai dự toán, quyết toán ngân sách xã và kế hoạch, kết quả thực hiện các hoạt động tài chính khác ở xã đã được Hội đồng nhân dân xã quyết định, phê chuẩn		
Mẫu biểu số 88/CKTC-NSNN:		Dự toán (quyết toán) cân đối ngân sách xã năm...
Mẫu biểu số 89/CKTC-NSNN:		Dự toán (quyết toán) thu ngân sách xã năm...
Mẫu biểu số 90/CKTC-NSNN:		Dự toán (quyết toán) chi ngân sách xã năm...
Mẫu biểu số 91/CKTC-NSNN:		Dự toán (quyết toán) chi đầu tư xây dựng cơ bản do xã thực hiện năm...
Mẫu biểu số 92/CKTC-NSNN:		Kế hoạch (tình hình thực hiện) các hoạt động tài chính khác của xã năm...
3. Công khai tình hình thực hiện dự toán ngân sách xã (6 tháng, năm)		
Mẫu biểu số 93/CKTC-NSNN:		Đánh giá cân đối ngân sách xã 6 tháng (cả năm) năm...
Mẫu biểu số 94/CKTC-NSNN:		Đánh giá thu ngân sách xã 6 tháng (cả năm) năm...
Mẫu biểu số 95/CKTC-NSNN:		Đánh giá chi ngân sách xã 6 tháng (cả năm) năm...
PHẦN 02: MẪU QUYẾT ĐỊNH CÔNG KHAI		
Mẫu số 04/QĐ-CKNS:		Quyết định về việc công bố công khai dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách nhà nước năm ... của các xã/phường/thị trấn.

CÂN ĐỐI DỰ TOÁN NGÂN SÁCH XÃ NĂM ...*(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND xã)*

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<u>TỔNG SỐ THU</u> I. Các khoản thu xã hưởng 100% II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1) III. Thu bổ sung - Bổ sung cân đối ngân sách - Bổ sung có mục tiêu		<u>TỔNG SỐ CHI</u> I. Chi đầu tư phát triển II. Chi thường xuyên III. Dự phòng	

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100% dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND xã)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM		DỰ TOÁN NĂM		% SO SÁNH DT/UTH	
	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
<u>TỔNG THU</u>						
<u>I. Các khoản thu 100%</u>						
- Phí, lệ phí						
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu kết dư ngân sách năm trước						
- Thu khác						
<u>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</u>						
<u>1. Các khoản thu phân chia</u>						
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
- Lệ phí trước bạ nhà, đất						
<u>2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</u>						
-						
-						
.....						
<u>III. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</u>						
- Bổ sung cân đối ngân sách						
- Bổ sung có mục tiêu						
<u>IV. Viên trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</u>						

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND xã)

[illegible]

KẾ HOẠCH THU, CHI CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM ...*(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND xã)*

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	ƯỚC THỰC HIỆN NĂM TRƯỚC			KẾ HOẠCH NĂM ...		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
<u>TỔNG SỐ</u>						
<u>1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách</u>						
-						
<u>2. Các hoạt động sự nghiệp</u>						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+						

Ghi chú: Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi

DỰ TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM ...*(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND xã)*

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	DỰ TOÁN	NỘI DUNG CHI	DỰ TOÁN
<u>TỔNG SỐ THU</u> I. Các khoản thu xã hưởng 100% II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1) III. Thu bổ sung - Bổ sung cân đối ngân sách - Bổ sung có mục tiêu		<u>TỔNG SỐ CHI</u> I. Chi đầu tư phát triển II. Chi thường xuyên III. Dự phòng	

Ghi chú : (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100% dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

DỰ TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND xã)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN	
	THU NSNN	THU NSX
	3	4
<u>TỔNG THU</u>		
<u>I. Các khoản thu 100%</u>		
- Phí, lệ phí		
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác		
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp		
- Đóng góp của nhân dân theo quy định		
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân		
- Thu kết dư ngân sách năm trước		
- Thu khác		
<u>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</u>		
<u>1. Các khoản thu phân chia</u>		
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp		
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình		
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh		
- Lệ phí trước bạ nhà, đất		
<u>2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</u>		
-		
-		
.....		
<u>III. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</u>		
- Bổ sung cân đối ngân sách		
- Bổ sung có mục tiêu		
<u>IV. Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</u>		

DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH XÃ NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND xã)

Đơn vị: đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN		
	TỔNG SỐ	XDCB	TX
1	2	3	4
<u>TỔNG CHI</u>			
<u>1. Chi công tác dân quân tự vệ, an ninh trật tự</u>			
- Chi dân quân tự vệ			
- Chi an ninh trật tự			
<u>2. Lĩnh vực giáo dục</u>			
<u>3. Lĩnh vực y tế</u>			
<u>4. Lĩnh vực văn hoá, thông tin</u>			
<u>5. Lĩnh vực phát thanh</u>			
<u>6. Lĩnh vực thể dục thể thao</u>			
<u>7. Lĩnh vực bảo vệ môi trường</u>			
<u>8. Các hoạt động kinh tế</u>			
- Giao thông			
- Nông - lâm - thuỷ lợi - hải sản			
- Thị chính			
- Thương mại, dịch vụ			
- Các hoạt động kinh tế khác			
<u>9. Chi quản lý Nhà nước, Đảng, đoàn thể</u>			
<i>Trong đó: Quỹ lương</i>			
9.1. Quản lý Nhà nước			
9.2. Đảng Cộng sản Việt Nam			
9.3. Mặt trận Tổ quốc Việt Nam			
9.4. Đoàn Thanh niên Cộng sản HCM			
9.5. Hội Liên hiệp Phụ nữ			
9.6. Hội Cựu chiến binh			
9.7. Hội Nông dân			
9.8. Chi hỗ trợ khác (nếu có)			
<u>10. Chi bảo đảm xã hội</u>			
- Hưu xã và trợ cấp khác			
- Trẻ mồ côi, người già không nơi nương tựa, cứu tế xã hội			
- Khác			
<u>11. Chi khác</u>			
<u>12. Dự phòng</u>			

KẾ HOẠCH CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND xã)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
<u>TỔNG SỐ</u>			
<u>1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách</u>			
-			
<u>2. Các hoạt động sự nghiệp</u>			
+ Chợ			
+ Bến bãi			
+			
+			

ĐÁNH GIÁ CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG (CẢ NĂM) NĂM ...*(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND xã)*

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	THỰC HIỆN 6 THÁNG (CẢ NĂM)	NỘI DUNG CHI	THỰC HIỆN 6 THÁNG (CẢ NĂM)
<u>TỔNG SỐ THU</u> I. Các khoản thu xã hưởng 100% II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1) III. Thu bổ sung - Bổ sung cân đối ngân sách - Bổ sung có mục tiêu		<u>TỔNG SỐ CHI</u> I. Chi đầu tư phát triển II. Chi thường xuyên	

Ghi chú: (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100% dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

ĐÁNH GIÁ THU NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG (CẢ NĂM) NĂM ...*(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND xã)*

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN NĂM		THỰC HIỆN 6 THÁNG (CẢ NĂM)		% SO SÁNH TH/DT	
	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
<u>TỔNG THU</u>						
<u>I. Các khoản thu 100%</u>						
- Phí, lệ phí						
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu kết dư ngân sách năm trước						
- Thu khác						
<u>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</u>						
<u>1. Các khoản thu phân chia</u>						
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
- Lệ phí trước bạ nhà, đất						
<u>2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</u>						
-						
-						
.....						
<u>III. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</u>						
- Bổ sung cân đối ngân sách						
- Bổ sung có mục tiêu						
<u>IV. Viên trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</u>						

ĐÁNH GIÁ CHI NGÂN SÁCH XÃ 6 THÁNG (CẢ NĂM) NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND xã)

Đơn vị: 1000 đồng

[illegible]

[illegible]

QUYẾT TOÁN CÂN ĐỐI NGÂN SÁCH XÃ NĂM ...*(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND xã)*

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG THU	QUYẾT TOÁN	NỘI DUNG CHI	QUYẾT TOÁN
<u>TỔNG SỐ THU</u> I. Các khoản thu xã hưởng 100% II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ (1) III. Thu bổ sung - Bổ sung cân đối ngân sách - Bổ sung có mục tiêu		<u>TỔNG SỐ CHI</u> I. Chi đầu tư phát triển II. Chi thường xuyên	

Ghi chú : (1) Bao gồm 4 khoản thuế, lệ phí Luật NSNN quy định cho ngân sách xã hưởng và những khoản thu ngân sách địa phương được hưởng 100% dùng để phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) cho xã

QUYẾT TOÁN THU NGÂN SÁCH XÃ NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND xã)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	DỰ TOÁN		QUYẾT TOÁN		% SO SÁNH QT/DT	
	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX	THU NSNN	THU NSX
	1	2	3	4	5 = 3/1	6 = 4/2
<u>TỔNG THU</u>						
<u>I. Các khoản thu 100%</u>						
- Phí, lệ phí						
- Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác						
- Thu từ hoạt động kinh tế và sự nghiệp						
- Đóng góp của nhân dân theo quy định						
- Đóng góp tự nguyện của các tổ chức, cá nhân						
- Thu kết dư ngân sách năm trước						
- Thu khác						
<u>II. Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%)</u>						
<u>1. Các khoản thu phân chia</u>						
- Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp						
- Thuế sử dụng đất nông nghiệp thu từ hộ gia đình						
- Lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh						
- Lệ phí trước bạ nhà, đất						
<u>2. Các khoản thu phân chia khác do cấp tỉnh quy định</u>						
-						
-						
.....						
<u>III. Thu bổ sung từ ngân sách cấp trên</u>						
- Bổ sung cân đối ngân sách						
- Bổ sung có mục tiêu						
<u>IV. Viện trợ không hoàn lại trực tiếp cho xã (nếu có)</u>						

[illegible]

UBND XÃ ...

Mẫu số 99/CK TC-NSNN

QUYẾT TOÁN CHI ĐẦU TƯ XÂY DỰNG CƠ BẢN DO XÃ THỰC HIỆN NĂM...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND xã)

Đơn vị: đồng

Tên công trình	Thời gian KC-HT	Tổng dự toán được duyệt		Giá trị thực hiện từ 01/01 đến 31/12/...	Giá trị đã thanh toán từ 01/01 đến 31/12/....			
		Tổng số	Trong đó nguồn đóng góp của dân		Tổng số	Trong đó thanh toán khối lượng năm trước	Chia theo nguồn vốn Nguồn cân đối ngân sách	Nguồn đóng góp
<u>TỔNG SỐ</u>								
1/ Công trình chuyển tiếp								
-								
-								
Trong đó: hoàn thành trong năm								
-								
-								
2/ Công khởi công mới								
-								
-								
Trong đó: hoàn thành trong năm								
-								
-								

KẾT QUẢ THỰC HIỆN CÁC HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH KHÁC NĂM ...

(Kèm theo Quyết định số .../QĐ-UB ngày .../.../... của Chủ tịch UBND xã)

Đơn vị: 1000 đồng

NỘI DUNG	KẾ HOẠCH			THỰC HIỆN		
	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)	THU	CHI	CHÊNH LỆCH (+) (-)
<u>TỔNG SỐ</u>						
<u>1. Các quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách</u>						
-						
<u>2. Các hoạt động sự nghiệp</u>						
+ Chợ						
+ Bến bãi						
+						
+						

Chênh lệch (+) thu lớn hơn chi
Chênh lệch (-) thu nhỏ hơn chi

**ỦY BAN NHÂN DÂN
XÃ/PHƯỜNG/THỊ
TRẦN....**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số /QĐ-UB

....., ngày ... tháng ... năm ...

QUYẾT ĐỊNH

**Về việc công bố công khai dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách năm...
của xã/phường/thị trấn**

ỦY BAN NHÂN DÂN XÃ/PHƯỜNG/THỊ TRẦN....

Căn cứ Luật tổ chức Hội đồng nhân dân và Ủy ban nhân dân số 11/2003/QH11 ngày 10/12/2003 của Quốc hội khóa 10, kỳ họp thứ 10;

Căn cứ Nghị định số /2016/NĐ-CP ngày tháng năm 2016 của Chính phủ Quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Ngân sách nhà nước;

Căn cứ Thông tư số /2016/TT-BTC ngày tháng năm 2016 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với các cấp ngân sách;

Căn cứ Nghị quyết.../20.../NQ-HĐND ngày.../.../20...của Hội đồng nhân dân xã/phường/thị trấn... về việc quyết định dự toán (hoặc phê chuẩn quyết toán) ngân sách nhà nước năm...;

Căn cứ ...;

Xét đề nghị của,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Công bố công khai số liệu dự toán (hoặc quyết toán) ngân sách năm... của xã/phường/thị trấn (theo các biểu đính kèm).

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 3. Văn phòng Ủy ban nhân dân xã/phường/thị trấn, Ban Tài chính tổ chức thực hiện Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Ủy ban nhân dân huyện;
- Phòng Tài chính huyện;
- Đảng ủy xã; HĐND xã
- Cơ quan của các đoàn thể ở xã;
- Các trường thôn trong xã;
- Lưu: VT, ...

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
QUYỀN HẠN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

(Chữ ký, dấu)

Họ và tên